

Số: 175/QĐ-ĐHDL

Hà Nội, ngày 26 tháng 10 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
Về việc cấp học bổng Khuyến khích học tập học kỳ I năm học 2022-2023

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐIỆN LỰC

Căn cứ Nghị quyết số 03/NQ-HĐT ngày 30/05/2023 của Hội đồng trường Trường Đại học Điện lực về việc ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Điện lực;

Căn cứ Nghị định số 84/2020/NĐ-CP ngày 17/07/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giáo dục;

Căn cứ Quyết định số 367/QĐ-ĐHDL ngày 01/04/2022 về việc ban hành Quy định xét và cấp học bổng tại Trường Đại học Điện lực; được thay thế "Phần I. Học bổng khuyến khích học tập" kèm theo Quyết định số 1653/QĐ-ĐHDL ngày 10/10/2023 của Trường Đại học Điện lực;

Căn cứ Quyết định số 628/QĐ-ĐHDL ngày 18/04/2023 của Đại học Điện lực về việc giao kế hoạch cấp học bổng cho sinh viên hệ chính quy năm học 2022-2023;

Căn cứ Biên bản số 2471/BB-ĐHDL ngày 25/10/2023 của Đại học Điện lực về việc xét, cấp học bổng khuyến khích học tập cho sinh viên học kỳ I năm học 2022-2023;

Theo đề nghị của Trường phòng Công tác sinh viên.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp học bổng khuyến khích học tập học kỳ I năm học 2022-2023 cho 1070 sinh viên (danh sách kèm theo);

Tổng số tiền là 8.636.792.300 đồng (Bằng chữ: Tám tỷ, sáu trăm ba mươi sáu triệu, bảy trăm chín mươi hai nghìn, ba trăm đồng).

Điều 2. Phòng KHTC phối hợp Phòng CTSV để chi trả tiền học bổng KKHT cho sinh viên theo quy định hiện hành.

Điều 3. Trưởng các đơn vị: Công tác sinh viên; Đào tạo; Kế hoạch Tài chính và sinh viên có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. / *P. nhul*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Hội đồng trường (để báo cáo);
- Các PHT (để biết);
- Đăng Website;
- Lưu VT, CTSV, Hoàng TT (03).

Q. HIỆU TRƯỞNG

Đinh Văn Châu

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐẠI HỌC ĐƯỢC NHẬN HỌC BỔNG HỌC KỲ I NĂM HỌC 2022-2023

Kèm theo quyết định số : 178/QĐ-ĐHDL ngày 26 tháng 10 năm 2023

TT	Mã sinh viên	Họ và	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Tổng tín chỉ đăng ký trong kỳ	Số TC đăng ký mới	Số TC điều kiện	Điểm TB hệ 4	TC phụ số 5.1 - Điểm rèn luyện	Xếp loại HB	TC phụ số 5.2- Điểm thi tuyển (dành cho khối D17)	TC phụ số 5.3- Điểm TBCTL	Mức tiền được hưởng sinh viên (ĐVT: VNĐ)	Ghi chú
1	18810620064	Nguyễn Thăng	Long	13/11/2000	D13CODY3	19	19	19	4	93	Xuất sắc			11,924,400	
2	18810620144	Đỗ Văn	Trương	14/07/2000	D13CODY1	19	19	19	4	92	Xuất sắc			11,924,400	
3	18810620072	Nguyễn Bá Tùng	Lộc	19/04/2000	D13CODY3	19	19	19	4	90	Xuất sắc			11,924,400	
4	18810620118	Hoàng Thọ	Văn	12/03/2000	D13CODY3	19	19	19	3.87	90	Xuất sắc			11,924,400	
5	18810620006	Nguyễn Hoàng	Nam	04/11/2000	D13CODY3	19	19	19	4	89	Giỏi			10,930,700	
6	18810620123	Ngô Thu	Huyền	02/09/2000	D13CODY2	19	19	19	4	88	Giỏi			10,930,700	
7	18810620153	Hoàng Văn	Hùng	10/05/1999	D13CODY3	19	19	19	4	88	Giỏi			10,930,700	
8	18810620027	Nguyễn Việt	Chinh	24/11/2000	D13CODY1	19	19	19	4	88	Giỏi			10,930,700	
9	18810620139	Nghiêm Công	Chiến	13/02/2000	D13CODY2	19	19	19	4	88	Giỏi			10,930,700	
10	18810620148	Lê Đức	Hậu	29/10/2000	D13CODY3	19	19	19	4	87	Giỏi		3.23	10,930,700	
11	18810660066	Nguyễn Thành	Chung	09/04/2000	D13CNCTTBD	19	19	19	4	96	Xuất sắc			11,924,400	
12	18810610053	Bùi Văn	Đạt	14/04/2000	D13CKCTM	19	19	19	4	94	Xuất sắc			11,924,400	
13	18810660052	Nguyễn Trường	Giang	23/09/2000	D13CNCTTBD	19	19	19	4	88	Giỏi			10,930,700	
14	18810610036	Nguyễn Văn	Trị	08/10/2000	D13CKCTM	19	19	19	4	85	Giỏi			10,930,700	
15	18810660061	Nguyễn Tá	Vượng	25/04/2000	D13CNCTTBD	19	19	19	4	85	Giỏi			10,930,700	
16	18810610003	Nguyễn Văn	Nghĩa	16/06/2000	D13CKCTM	19	19	19	4	85	Giỏi			10,930,700	

TT	Mã sinh viên	Họ và	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Tổng tín chỉ đăng ký trong kỳ	Số TC đăng ký mới	Số TC điều kiện	Điểm TB hệ 4	TC phụ số 5.1 - Điểm rèn luyện	Xếp loại HB	TC phụ số 5.2- Điểm thi tuyển (dành cho khối D17)	TC phụ số 5.3- Điểm TBCTL	Mức tiền được hưởng sinh viên (ĐVT: VNĐ)	Ghi chú
17	18810610012	Bùi Anh	Dũng	02/07/2000	D13CKCTM	19	19	19	4	84	Giỏi			10,930,700	
18	18810610005	Lê Mạnh	Hùng	30/05/2000	D13CKCTM	19	19	19	4	83	Giỏi			10,930,700	
19	18810610015	Hoàng Minh	Tiến	12/10/2000	D13CKCTM	19	19	19	4	83	Giỏi			10,930,700	
20	18810610044	Đinh Bạt	Đức	26/07/2000	D13CKCTM	19	19	19	4	83	Giỏi			10,930,700	
21	18810610045	Nguyễn Văn	Thuần	09/09/2000	D13CKCTM	19	19	19	4	83	Giỏi			10,930,700	
22	18810610021	Nguyễn Đức	Thắng	29/01/2000	D13CKCTM	19	19	19	4	81	Giỏi			10,930,700	
23	18810610041	Dương Minh	Tuấn	13/07/2000	D13CKCTM	19	19	19	4	81	Giỏi			10,930,700	
24	18810610028	Đoàn Trung	Tín	18/11/2000	D13CKCTM	19	19	19	4	81	Giỏi			10,930,700	
25	18810610037	Phạm Nhật	Thăng	26/10/2000	D13CKCTM	19	19	19	4	81	Giỏi			10,930,700	
26	18810610051	Hoàng Phương	Nam	30/06/2000	D13CKCTM	19	19	19	4	81	Giỏi			10,930,700	
27	18810650001	Nguyễn Trung	Hải	09/01/2000	D13XDDD&CN	19	19	19	4	96	Xuất sắc			11,924,400	
28	18810650018	Nguyễn Việt	Đức	30/10/2000	D13XDDD&CN	19	19	19	4	93	Xuất sắc			11,924,400	
29	18810650005	Phan Văn	Hoàng	13/10/2000	D13XDDD&CN	19	19	19	4	87	Giỏi			10,930,700	
30	18819110036	Phí Ngọc	Hải	27/09/2000	D13XDDD&CN	19	19	19	4	85	Giỏi			10,930,700	
31	18810650016	Vũ Quốc	Bảo	10/11/2000	D13XDDD&CN	23	19	19	3.65	88	Giỏi			12,527,900	
32	18810640015	Nguyễn Vinh	Dương	11/06/2000	D13XDDD&CN	19	19	19	3.63	89	Giỏi			10,930,700	
33	18810650009	Nguyễn Tuấn	Anh	30/12/2000	D13XDDD&CN	19	19	19	3.63	86	Giỏi			10,930,700	
34	18810510053	Lò Văn	Hải	03/03/2000	D13DTVT	19	19	19	4	95	Xuất sắc			11,924,400	
35	18810530059	Dương Mạnh	Tuấn	21/08/2000	D13DTYT	19	19	19	4	92	Xuất sắc			11,924,400	
36	18810540050	Nguyễn Việt	Dũng	26/04/2000	D13DT&KTMT	19	19	19	4	91	Xuất sắc			11,924,400	

TT	Mã sinh viên	Họ và	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Tổng tín chỉ đăng ký trong kỳ	Số TC đăng ký mới	Số TC điều kiện	Điểm TB hệ 4	TC phụ số 5.1 - Điểm rèn luyện	Xếp loại HB	TC phụ số 5.2- Điểm thi tuyển (dành cho khối D17)	TC phụ số 5.3- Điểm TBCTL	Mức tiền được hưởng sinh viên (ĐVT: VNĐ)	Ghi chú
37	18810540031	Đào Thị	Nhung	01/08/2000	D13DT&KTMT	19	19	19	4	91	Xuất sắc			11,924,400	
38	18810550041	Nguyễn Bá Việt	Tùng	16/01/2000	D13DT&ROBO T	19	19	19	4	90	Xuất sắc			11,924,400	
39	18810540150	Trần Hải	Đặng	25/05/2000	D13DT&KTMT	22	19	19	3.73	91	Xuất sắc			13,807,200	
40	18810000092	Đặng Tổ	Uyên	06/08/2000	D13KTDT	19	19	19	4	87	Giỏi			10,930,700	
41	18810000138	Bùi Hoàng	Anh	06/08/2000	D13KTDT	19	19	19	4	87	Giỏi			10,930,700	
42	18810530114	Nguyễn Đức	Ánh	01/08/2000	D13DTYT	19	19	19	4	87	Giỏi			10,930,700	
43	18810530018	Dương Đức	Anh	16/05/2000	D13DTYT	19	19	19	4	87	Giỏi			10,930,700	
44	18810160038	Hoàng Kiên	Cường	12/09/2000	D13H3	19	19	19	4	100	Xuất sắc			11,924,400	
45	18810420062	Nguyễn Tiến	Anh	01/02/2000	D13DCN&DD1	19	19	19	4	96	Xuất sắc			11,924,400	
46	18810110264	Hoàng Đình	Văn	14/06/2000	D13H3	19	19	19	4	95	Xuất sắc			11,924,400	
47	18810110263	Vũ Thị	Thanh	13/08/2000	D13H3	19	19	19	4	95	Xuất sắc			11,924,400	
48	18810110180	Vũ Trung	Kiên	20/01/2000	D13H2	19	19	19	4	93	Xuất sắc			11,924,400	
49	18810170149	Phạm Đức	Nhân	29/05/2000	D13TDHHTD	19	19	19	4	92	Xuất sắc			11,924,400	
50	18810420082	Dương Quốc	Cường	16/09/2000	D13DCN&DD1	19	19	19	4	91	Xuất sắc			11,924,400	
51	18810420278	Đinh Quang	Long	02/06/2000	D13DCN&DD1	19	19	19	4	91	Xuất sắc			11,924,400	
52	18810110128	Mai Xuân	Minh	24/01/2000	D13H1	19	19	19	4	91	Xuất sắc			11,924,400	
53	18810110271	Phạm Gia	Khiêm	04/07/2000	D13H1	19	19	19	4	91	Xuất sắc			11,924,400	
54	18810110030	Phạm Việt	Long	20/08/2000	D13H1	19	19	19	4	91	Xuất sắc			11,924,400	
55	18810110266	Trần Thế	Mạnh	10/01/2000	D13H2	19	19	19	4	91	Xuất sắc			11,924,400	
56	18810110171	Phạm Việt Quốc	Anh	07/12/2000	D13H2	19	19	19	4	91	Xuất sắc			11,924,400	

TT	Mã sinh viên	Họ và	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Tổng tín chỉ đăng ký trong kỳ	Số TC đăng ký mới	Số TC điều kiện	Điểm TB hệ 4	TC phụ số 5.1 - Điểm rèn luyện	Xếp loại HB	TC phụ số 5.2- Điểm thi tuyển (dành cho khối D17)	TC phụ số 5.3- Điểm TBCTL	Mức tiền được hưởng sinh viên (ĐVT: VNĐ)	Ghi chú
57	18810110228	Trần Công	Minh	20/09/2000	D13DCN&DD2	19	19	19	4	90	Xuất sắc			11,924,400	
58	18810170170	Nguyễn Thị Thanh	Hiền	07/10/2000	D13H3	19	19	19	4	90	Xuất sắc			11,924,400	
59	18810420077	Phạm Dương	Thuận	06/11/2000	D13DCN&DD2	21	19	19	3.9	96	Xuất sắc			13,179,600	
60	18810110040	Lê Duy	Hiếu	22/02/2000	CLC.D13H	21	19	19	3.64	90	Xuất sắc			20,011,200	
61	18810420207	Đoàn Bắc	Học	23/04/2000	D13DCN&DD1	19	19	19	3.63	93	Xuất sắc			11,924,400	
62	18810110181	Phạm Trung	Hiếu	16/11/2000	D13H2	19	19	19	4	89	Giỏi			10,930,700	
63	18810110205	Phạm Thị Hải	Yến	06/01/2000	D13H3	19	19	19	4	89	Giỏi			10,930,700	
64	18810110211	Phạm Quốc	Trung	16/07/2000	D13H3	19	19	19	4	89	Giỏi			10,930,700	
65	18810630003	Phạm Vũ Thành	Linh	04/11/2000	CLC.D13H	19	19	19	4	89	Giỏi			17,545,000	
66	18810110090	Hà Văn	Phú	28/12/2000	D13H1	19	19	19	4	88	Giỏi			10,930,700	
67	18810110126	Nguyễn Cao	Vinh	24/09/2000	D13H3	19	19	19	4	88	Giỏi			10,930,700	
68	18810110243	Hà Văn	Trung	23/08/2000	D13H3	19	19	19	4	88	Giỏi			10,930,700	
69	18810170009	Phạm Cao	Bắc	16/09/2000	D13TDHHTD	19	19	19	4	87	Giỏi		3.18	10,930,700	
70	18810410108	Đoàn Việt	Giang	06/05/2000	D13CNKTDK	19	19	19	4	95	Xuất sắc			11,924,400	
71	18810410047	Đinh Hồng	Phong	17/04/2000	D13CNKTDK	19	19	19	4	93	Xuất sắc			11,924,400	
72	18810430214	Nguyễn Trung	Hiếu	26/09/2000	D13TDH&DKT BCN2	19	19	19	4	93	Xuất sắc			11,924,400	
73	18810410207	Nguyễn Thị Thu	Hà	31/03/2000	D13CNKTDK	19	19	19	4	92	Xuất sắc			11,924,400	
74	18810410188	Đào Minh	Tiến	06/06/2000	D13CNKTDK	19	19	19	4	91	Xuất sắc			11,924,400	
75	18810410232	Đỗ Đức	Hải	25/10/2000	D13CNKTDK	19	19	19	4	91	Xuất sắc			11,924,400	
76	18810410041	Lương Ngọc	Khánh	10/12/2000	D13CNKTDK	19	19	19	4	90	Xuất sắc			11,924,400	

TT	Mã sinh viên	Họ và	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Tổng tín chỉ đăng ký trong kỳ	Số TC đăng ký mới	Số TC điều kiện	Điểm TB hệ 4	TC phụ số 5.1 - Điểm rèn luyện	Xếp loại HB	TC phụ số 5.2- Điểm thi tuyển (dành cho khối D17)	TC phụ số 5.3- Điểm TBCTL	Mức tiền được hưởng sinh viên (ĐVT: VNĐ)	Ghi chú
77	18810410220	Nguyễn Đình	Son	06/07/2000	D13CNKTDK	19	19	19	4	90	Xuất sắc			11,924,400	
78	18810430074	Tạ Đình	Bắc	09/07/2000	D13TDH&DKT BCN1	19	19	19	4	90	Xuất sắc			11,924,400	
79	18810430156	Vũ Nhật	Long	13/03/2000	D13TDH&DKT BCN2	19	19	19	4	90	Xuất sắc			11,924,400	
80	18810430168	Vũ Thị Thanh	Thư	10/08/2000	D13TDH&DKT BCN2	19	19	19	4	90	Xuất sắc			11,924,400	
81	18810430012	Vũ Hoàng	Minh	26/11/2000	D13TDH&DKT BCN3	19	19	19	4	90	Xuất sắc			11,924,400	
82	18810430077	Tổng Thành	Đạt	09/11/2000	D13TDH&DKT BCN1	22	22	19	3.73	90	Xuất sắc			13,231,200	
83	18810410182	Nguyễn Tùng	Dương	17/07/2000	D13CNKTDK	19	19	19	3.63	91	Xuất sắc			11,924,400	
84	18810430150	Nguyễn Đức	Thuận	15/11/2000	D13TDH&DKT BCN2	19	19	19	3.63	91	Xuất sắc			11,924,400	
85	18810410204	Nguyễn Thị	Hiền	31/07/2000	D13CNKTDK	19	19	19	4	89	Giỏi			10,930,700	
86	18810410052	Phạm Quang	Ngọc	06/12/2000	D13CNKTDK	19	19	19	4	89	Giỏi			10,930,700	
87	18810430130	Phạm Thanh	Long	07/02/2000	D13TDH&DKT BCN2	19	19	19	4	89	Giỏi			10,930,700	
88	18810410247	Trần Minh	Trọng	28/05/2000	D13CNKTDK	19	19	19	4	89	Giỏi			10,930,700	
89	18810410153	Nguyễn Văn	Kha	04/08/1999	D13CNKTDK	19	19	19	4	88	Giỏi			10,930,700	
90	18810410056	Nguyễn Thế	Phong	01/12/2000	D13CNKTDK	19	19	19	4	88	Giỏi			10,930,700	
91	18810410148	Nguyễn Thế	Hoàng	31/01/2000	D13CNKTDK	19	19	19	4	88	Giỏi			10,930,700	
92	18810000020	Tạ Đình	Thành	20/03/2000	CLC.D13CNKT DK	30	30	19	4	88	Giỏi			17,545,000	
93	18810430072	Lê Thanh	Thuận	14/09/2000	D13TDH&DKT BCN2	19	19	19	4	88	Giỏi			10,930,700	
94	18810430217	Nguyễn Như	Hậu	20/10/2000	D13TDH&DKT BCN2	19	19	19	4	88	Giỏi			10,930,700	
95	18810430192	Phí Thành	Long	31/10/2000	D13TDH&DKT BCN2	19	19	19	4	87	Giỏi		3.41	10,930,700	
96	18810430122	Nguyễn Hoàng	Anh	21/08/2000	D13TDH&DKT BCN2	19	19	19	4	87	Giỏi		3.39	10,930,700	

TT	Mã sinh viên	Họ và	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Tổng tín chỉ đăng ký trong kỳ	Số TC đăng ký mới	Số TC điều kiện	Điểm TB hệ 4	TC phụ số 5.1 - Điểm rèn luyện	Xếp loại HB	TC phụ số 5.2- Điểm thi tuyển (dành cho khối D17)	TC phụ số 5.3- Điểm TBCTL	Mức tiền được hưởng sinh viên (ĐVT: VNĐ)	Ghi chú
97	18810430180	Trần Trung	Hiếu	14/07/2000	D13TDH&DKT BCN2	19	19	19	4	87	Giỏi		3.29	10,930,700	
98	18810430184	Nguyễn Lê Trường	An	07/01/2000	D13TDH&DKT BCN2	19	19	19	4	87	Giỏi		3.15	10,930,700	
99	18819100003	Lò Văn	Liên	20/06/2000	D13CNKTNL	19	19	19	4	87	Giỏi			10,930,700	
100	18810310428	Nguyễn Văn	Nam	10/12/2000	D13CNPM5	19	19	19	4	96	Xuất sắc			11,924,400	
101	18810340225	Ngô Minh	Hiếu	04/07/2000	D13HTTMDT1	19	19	19	4	96	Xuất sắc			11,924,400	
102	18810310325	Phương Công	Thắng	25/07/2000	D13CNPM4	19	19	19	4	94	Xuất sắc			11,924,400	
103	18810340214	Nguyễn Vũ Ngọc	Hồng	25/10/2000	D13HTTMDT1	19	19	19	4	94	Xuất sắc			11,924,400	
104	18810310034	Đỗ	Hùng	26/08/2000	D13CNPM1	19	19	19	4	93	Xuất sắc			11,924,400	
105	18810310087	Trần Thị Mai	Hương	19/07/2000	D13CNPM1	19	19	19	4	93	Xuất sắc			11,924,400	
106	18810340638	Trần Thị	Nga	06/05/2000	D13HTTMDT2	19	19	19	4	93	Xuất sắc			11,924,400	
107	18810310436	Ngô Thị	Huệ	07/10/2000	D13CNPM5	19	19	19	4	91	Xuất sắc			11,924,400	
108	18810310351	Hoàng Thị Thanh	Loan	06/08/2000	D13CNPM4	19	19	19	4	91	Xuất sắc			11,924,400	
109	18810310391	Bùi Thị Vân	Anh	16/10/2000	D13CNPM5	19	19	19	4	91	Xuất sắc			11,924,400	
110	18810310295	Đoàn Thị Thu	Trang	30/12/2000	D13QTANM	19	19	19	4	91	Xuất sắc			11,924,400	
111	18810340678	Phạm Thị	Ngọc	10/09/2000	D13QTANM	19	19	19	4	91	Xuất sắc			11,924,400	
112	18810310208	Nguyễn Hiệp	Lộc	02/08/2000	D13CNPM3	19	19	19	4	90	Xuất sắc			11,924,400	
113	18810310364	Hoàng Thu	Phương	08/12/2000	D13CNPM4	19	19	19	4	90	Xuất sắc			11,924,400	
114	18810310196	Trương Anh	Vinh	23/06/2000	D13CNPM2	19	19	19	4	90	Xuất sắc			11,924,400	
115	18810310229	Nguyễn Thị Hải	Yến	08/06/2000	D13CNPM3	19	19	19	4	90	Xuất sắc			11,924,400	
116	18810320043	Hoàng Đức	Hoan	26/08/2000	D13QTANM	19	19	19	4	90	Xuất sắc			11,924,400	

TT	Mã sinh viên	Họ và	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Tổng tín chỉ đăng ký trong kỳ	Số TC đăng ký mới	Số TC điều kiện	Điểm TB hệ 4	TC phụ số 5.1 - Điểm rèn luyện	Xếp loại HB	TC phụ số 5.2- Điểm thi tuyển (dành cho khối D17)	TC phụ số 5.3- Điểm TBCTL	Mức tiền được hưởng sinh viên (ĐVT: VNĐ)	Ghi chú
117	18810320073	Nguyễn Thị	Hằng	13/11/2000	D13QTANM	19	19	19	4	90	Xuất sắc			11,924,400	
118	18810340289	Hoàng Phan Bích	Phượng	03/10/2000	D13HTTMDT1	21	19	19	3.95	90	Xuất sắc			12,795,600	
119	18810310051	Lã Quốc	Nghị	01/10/2000	D13CNPM1	19	19	19	3.87	93	Xuất sắc			11,924,400	
120	18810320696	Mai Trọng	Thuần	02/08/2000	D13QTANM	19	19	19	3.87	93	Xuất sắc			11,924,400	
121	18810310605	Nguyễn Thị Mai	Anh	23/09/2000	D13CNPM7	19	19	19	3.63	93	Xuất sắc			11,924,400	
122	18810340663	Phạm Nguyễn Hoàng	Vĩnh	13/09/2000	D13HTTMDT2	19	19	19	3.63	90	Xuất sắc			11,924,400	
123	18810310514	Nguyễn Trọng	Thanh	06/07/2000	D13CNPM6	19	19	19	4	88	Giỏi			10,930,700	
124	18810310415	Nguyễn Thị	Nhung	09/05/2000	D13CNPM5	19	19	19	4	88	Giỏi			10,930,700	
125	18810310493	Ngô Vĩnh	Đạt	07/07/2000	D13CNPM6	19	19	19	4	88	Giỏi			10,930,700	
126	18810310496	Trịnh Nhật	Huy	21/11/2000	D13CNPM6	19	19	19	4	87	Giỏi			10,930,700	
127	18810310076	Trần Văn	Hào	22/12/2000	D13CNPM1	19	19	19	4	87	Giỏi			10,930,700	
128	18810310431	Nguyễn Khắc	Mạnh	08/04/2000	D13CNPM5	19	19	19	4	86	Giỏi			10,930,700	
129	18810310040	Lê Quang	Huy	01/09/2000	D13CNPM1	21	19	19	4	85	Giỏi			12,081,300	
130	18810320658	Nguyễn Thị	Chinh	02/07/2000	D13CNPM1	19	19	19	4	85	Giỏi			10,930,700	
131	18810310241	Đoàn Ngọc	Duy	16/05/2000	D13CNPM3	19	19	19	4	85	Giỏi			10,930,700	
132	18810340497	Nguyễn Thị Diễm	Hương	06/02/2000	D13HTTMDT2	19	19	19	4	85	Giỏi			10,930,700	
133	18810340613	Kiều Thị	Trang	23/10/2000	D13HTTMDT2	19	19	19	4	85	Giỏi			10,930,700	
134	18810340342	Ngô Đức	Thắng	23/01/2000	D13HTTMDT1	19	19	19	4	85	Giỏi			10,930,700	
135	18810340607	Lê Hoa	Mỹ	17/10/2000	D13HTTMDT2	19	19	19	4	85	Giỏi			10,930,700	
136	18810310021	Nguyễn Hoàng	Minh	12/10/2000	D13CNPM1	19	19	19	4	85	Giỏi			10,930,700	

TT	Mã sinh viên	Họ và	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Tổng tín chỉ đăng ký trong kỳ	Số TC đăng ký mới	Số TC điều kiện	Điểm TB hệ 4	TC phụ số 5.1 - Điểm rèn luyện	Xếp loại HB	TC phụ số 5.2- Điểm thi tuyển (dành cho khối D17)	TC phụ số 5.3- Điểm TBCTL	Mức tiền được hưởng sinh viên (ĐVT: VNĐ)	Ghi chú
137	18810310050	Nguyễn Thế	Trường	25/07/2000	D13CNPM1	19	19	19	4	85	Giỏi			10,930,700	
138	18810320504	Trần Anh	Tuấn	11/12/2000	D13QTANM	19	19	19	4	85	Giỏi			10,930,700	
139	18810340148	Phan Thị	Thảo	14/08/2000	D13HTTMDT1	19	19	19	4	85	Giỏi			10,930,700	
140	18819120027	Lê Quý	Bách	28/08/2000	D13DIENLANH	19	19	19	4	98	Xuất sắc			11,924,400	
141	18819110018	Nguyễn Công	Hòa	08/08/2000	D13NHIT	19	19	19	4	92	Xuất sắc			11,924,400	
142	18819120038	Mai Ngọc	Tú	03/12/2000	D13DIENLANH	19	19	19	3.63	90	Xuất sắc			11,924,400	
143	18819120009	Nguyễn Đình	Khải	07/10/2000	D13DIENLANH	19	19	19	4	88	Giỏi			10,930,700	
144	18819120013	Dương Ngọc	Việt	20/02/2000	D13DIENLANH	19	19	19	4	87	Giỏi			10,930,700	
145	18819120043	Nguyễn Quang	Vinh	19/09/2000	D13DIENLANH	19	19	19	4	86	Giỏi			10,930,700	
146	18819120029	Lê Thanh	Dương	09/07/2000	D13DIENLANH	19	19	19	4	84	Giỏi			10,930,700	
147	18819120030	Lê Đức	Việt	28/02/2000	D13DIENLANH	19	19	19	4	84	Giỏi			10,930,700	
148	18810230012	Nguyễn Việt	Hoàng	30/08/2000	D13LOGISTICS	19	19	19	4	94	Xuất sắc			11,924,400	
149	18810230029	Đỗ Thị Thu	Hà	19/11/2000	D13LOGISTICS	19	19	19	4	94	Xuất sắc			11,924,400	
150	18810230050	Trần Thu	Hiền	14/12/2000	D13LOGISTICS	19	19	19	4	94	Xuất sắc			11,924,400	
151	18810230020	Hoàng Bảo	Long	03/07/2000	D13LOGISTICS	19	19	19	4	93	Xuất sắc			11,924,400	
152	18810220031	Phan Mai	Linh	26/10/2000	D13QLCN	19	19	19	4	95	Xuất sắc			11,924,400	
153	18810220005	Dương Thành	Nam	10/12/2000	D13QLCN	19	19	19	4	90	Xuất sắc			11,924,400	
154	18810220030	Bùi Hương	Giang	02/01/2000	D13QLCN	19	19	19	4	90	Xuất sắc			11,924,400	
155	18810210003	Dương Thị Ngọc	Anh	10/01/2000	D13QLNL	19	19	19	4	94	Xuất sắc			11,924,400	
156	18810210013	Vũ Kiều	Trang	17/06/2000	D13QLNL	19	19	19	4	92	Xuất sắc			11,924,400	

TT	Mã sinh viên	Họ và	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Tổng tín chỉ đăng ký trong kỳ	Số TC đăng ký mới	Số TC điều kiện	Điểm TB hệ 4	TC phụ số 5.1 - Điểm rèn luyện	Xếp loại HB	TC phụ số 5.2- Điểm thi tuyển (dành cho khối D17)	TC phụ số 5.3- Điểm TBCTL	Mức tiền được hưởng sinh viên (ĐVT: VNĐ)	Ghi chú
157	18810210009	Trần Thùy	Linh	04/02/2000	D13QLNL	19	19	19	4	90	Xuất sắc			11,924,400	
158	18810210002	Lê Thị	Trang	16/10/2000	D13QLNL	19	19	19	4	90	Xuất sắc			11,924,400	
159	18810210020	Hà Huyền	Nga	16/08/2000	D13QLNL	19	19	19	3.87	91	Xuất sắc			11,924,400	
160	18810210014	Đào Thu	Hương	10/09/2000	D13QLNL	19	19	19	3.87	90	Xuất sắc			11,924,400	
161	18810210024	Lưu Minh	Tiến	30/05/1999	D13QLNL	22	19	19	3.73	91	Xuất sắc			13,231,200	
162	18810310355	Hoàng Hải	Long	05/02/2000	D13QLNL	19	19	19	4	89	Giỏi			10,930,700	
163	19810620053	Lê Thị Lan	Anh	23/09/1999	D14CODT	19	19	19	3.79	92	Xuất sắc			11,924,400	
164	19810620004	Nguyễn Văn	Du	16/08/2001	D14CODT	19	19	19	3.74	92	Xuất sắc			11,924,400	
165	19810620007	Nguyễn Mạnh	Cường	31/08/2001	D14CODT	19	19	19	3.71	91	Xuất sắc			11,924,400	
166	19810620001	Nguyễn Công	Minh	28/07/2001	D14CODT	19	19	19	3.68	96	Xuất sắc			11,924,400	
167	19810000026	Đỗ Đình	Lợi	31/5/2001	D14CKOTO	19	19	19	3.68	89	Giỏi			10,050,700	
168	19810610108	Lê Anh	Dũng	10/05/2001	D14CKCTM	18	18	18	3.53	91	Giỏi			10,355,400	
169	19810000073	Phạm Văn	Vinh	22/09/2001	D14CKOTO	19	19	19	3.47	93	Giỏi			10,050,700	
170	19810650004	Nguyễn Quyết	Thắng	27/10/2001	D14XDCTD	22	22	22	3.23	79	Khá			11,506,000	
171	19810540128	Nguyễn Minh	Toán	25/05/2001	D14DT&KTMT	19	19	19	3.61	82	Giỏi			10,930,700	
172	19810420022	Nguyễn Văn	Tùng	08/01/2001	D14DT&KTMT	19	19	19	3.61	83	Giỏi			10,930,700	
173	19810510143	Trần Tuấn	Anh	03/08/2001	D14DTVT	20	20	20	3.55	89	Giỏi			11,506,000	
174	19810510170	Nguyễn Văn	Thịnh	19/4/2001	D14DTVT	20	20	20	3.28	89	Giỏi			11,506,000	
175	19810510120	Nguyễn Trung	Thành	06/07/2001	D14DT&KTMT	19	19	19	3.21	93	Giỏi			10,930,700	
176	19810540193	Nguyễn Đỗ	Mạnh	20/8/2001	D14DT&KTMT	19	19	19	3.55	79	Khá			9,937,000	

TT	Mã sinh viên	Họ và	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Tổng tín chỉ đăng ký trong kỳ	Số TC đăng ký mới	Số TC điều kiện	Điểm TB hệ 4	TC phụ số 5.1 - Điểm rèn luyện	Xếp loại HB	TC phụ số 5.2- Điểm thi tuyển (dành cho khối D17)	TC phụ số 5.3- Điểm TBCTL	Mức tiền được hưởng sinh viên (ĐVT: VNĐ)	Ghi chú
177	19810540132	Trương Văn	Sơn	27/10/2001	D14DT&KTMT	19	19	19	3.18	85	Khá			9,937,000	
178	19810510141	Hoàng Đại	Dương	02/11/2001	D14DTVT	20	20	20	3.08	90	Khá			10,460,000	
179	19810420346	Nguyễn Trọng	Sơn	07/9/2001	D14H3	15	15	15	4	94	Xuất sắc			8,838,000	
180	19810110199	Nguyễn Đình	Hiếu	29/10/2001	D14H2	15	15	15	3.93	94	Xuất sắc			8,838,000	
181	19810110258	Chu Mạnh	Phóng	08/07/2001	D14H3	15	15	15	3.9	90	Xuất sắc			8,838,000	
182	19810110216	Đoàn Quang	Duyệt	24/12/2001	D14H3	17	15	15	3.88	93	Xuất sắc			9,709,200	
183	19810420382	Chữ Đức	Huy	08/11/2001	D14DCN&DD1	15	15	15	3.83	93	Xuất sắc			8,838,000	
184	19810110014	Từ Văn	Tĩnh	17/09/2001	D14H1	15	15	15	3.8	91	Xuất sắc			8,838,000	
185	19810110179	Ngô Long	Toàn	12/04/2000	D14H2	15	15	15	3.77	90	Xuất sắc			8,838,000	
186	19810110177	Nguyễn Hoàng	Anh	10/10/2001	D14H2	15	15	15	3.77	90	Xuất sắc			8,838,000	
187	19810110081	Lê Thu	Trà	30/10/2001	D14H1	15	15	15	3.7	90	Xuất sắc			8,838,000	
188	19810110206	Lò Đức	Cường	10/09/1998	D14H2	15	15	15	3.73	88	Giỏi			8,101,500	
189	19810420079	Nguyễn Tiến	Đạt	11/02/2001	D14DCN&DD2	15	15	15	3.7	84	Giỏi			8,101,500	
190	19810420213	Phạm Viết	Huy	22/02/2001	D14DCN&DD1	15	15	15	3.67	86	Giỏi			8,101,500	
191	19810420057	Nguyễn Mạnh	Tiến	01/06/2001	D14DCN&DD1	15	15	15	3.63	85	Giỏi			8,101,500	
192	19810110183	Nguyễn Văn	Tuấn	11/04/2001	D14H2	15	15	15	3.6	87	Giỏi			8,101,500	
193	19810420021	Phạm Duy	Sơn	01/01/2001	D14DCN&DD1	15	15	15	3.6	87	Giỏi			8,101,500	
194	19810170366	Phạm Văn	Thế	18/08/2001	D14TDHHTD1	15	15	15	3.57	86	Giỏi			8,101,500	
195	19810110123	Nguyễn Hữu Việt	Hoàng	16/4/2001	D14H2	15	15	15	3.53	95	Giỏi			8,101,500	
196	19810420029	Đào Hồng	Quyền	01/09/2001	D14DCN&DD1	15	15	15	3.53	89	Giỏi			8,101,500	

TT	Mã sinh viên	Họ và	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Tổng tín chỉ đăng ký trong kỳ	Số TC đăng ký mới	Số TC điều kiện	Điểm TB hệ 4	TC phụ số 5.1 - Điểm rèn luyện	Xếp loại HB	TC phụ số 5.2- Điểm thi tuyển (dành cho khối D17)	TC phụ số 5.3- Điểm TBCTL	Mức tiền được hưởng sinh viên (ĐVT: VNĐ)	Ghi chú
197	19810170051	Tòng Vinh	Lập	27/10/2001	D14TDHHTD1	15	15	15	3.5	91	Giỏi			8,101,500	
198	19810110360	Hà Hồng	Thùy	07/09/2001	D14H1	15	15	15	3.47	82	Giỏi			8,101,500	
199	19810110268	Đặng Ngọc	Hùng	25/09/2001	D14H3	16	16	15	3.47	91	Giỏi			8,676,800	
200	19810170298	Hoàng Trung	Hiếu	12/4/2001	D14TDHHTD2	15	15	15	3.47	81	Giỏi			8,101,500	
201	19810170115	Nguyễn Đức	Duy	04/03/2001	D14TDHHTD1	15	15	15	3.47	96	Giỏi			8,101,500	
202	19810110226	Trần Hữu	Phước	30/01/2001	D14H3	15	15	15	3.43	85	Giỏi			8,101,500	
203	19810170303	Hoàng Thanh	Tuyền	10/12/2001	D14TDHHTD2	15	15	15	3.43	85	Giỏi			8,101,500	
204	19810170166	Đoàn Ngọc	Bảo	19/12/2001	D14TDHHTD1	15	15	15	3.43	85	Giỏi			8,101,500	
205	19810420385	Nguyễn Văn	Tính	05/06/2001	D14DCN&DD1	18	18	15	3.39	87	Giỏi			9,299,400	
206	19810170306	Lê Quang	Trường	13/11/2001	D14TDHHTD2	15	15	15	3.33	84	Giỏi			8,101,500	
207	19810410154	Lương Văn	Tùng	24/12/2001	D14CNKTDK1	19	19	19	3.32	93	Giỏi			10,930,700	
208	19810430324	Nguyễn Trung	Hiếu	07/09/2001	D14TDH&DKT BCN1	19	19	19	3.26	90	Giỏi			10,930,700	
209	19810430251	Nguyễn Văn	Hiệu	04/03/2001	D14TDH&DKT BCN3	19	19	19	3.21	94	Giỏi			10,930,700	
210	19810430273	Trần Anh	Thắng	15/03/2001	D14TDH&DKT BCN3	19	19	19	3.18	86	Khá			9,937,000	
211	19810430207	Nguyễn Đức Đại	Thắng	11/07/2001	D14TDH&DKT BCN3	19	19	19	3.11	88	Khá			9,937,000	
212	19810430274	Trần Tuấn	Dũng	31/7/2001	D14TDH&DKT BCN3	19	19	19	3.08	86	Khá			9,937,000	
213	19810000158	Nguyễn Đình	Trung	02/04/2001	D14THDK&TD H	14	14	14	3.04	85	Khá			7,322,000	
214	19810430256	Trần Cao	Ngọc	20/04/2001	D14TDH&DKT BCN3	19	19	19	3.03	94	Khá			9,937,000	
215	19810430065	Trần Văn	Tuấn	26/10/2001	D14TDH&DKT BCN1	19	19	19	3	90	Khá			9,937,000	
216	19810430277	Nguyễn Minh	Vương	01/05/2001	D14TDH&DKT BCN3	19	19	19	2.97	83	Khá			9,937,000	

TT	Mã sinh viên	Họ và	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Tổng tín chỉ đăng ký trong kỳ	Số TC đăng ký mới	Số TC điều kiện	Điểm TB hệ 4	TC phụ số 5.1 - Điểm rèn luyện	Xếp loại HB	TC phụ số 5.2- Điểm thi tuyển (dành cho khối D17)	TC phụ số 5.3- Điểm TBCTL	Mức tiền được hưởng sinh viên (ĐVT: VNĐ)	Ghi chú
217	19810430215	Trần Việt	Hoàng	12/12/2001	D14TDH&DKT BCN3	19	19	19	2.97	85	Khá			9,937,000	
218	19810430233	Nguyễn Văn	Dương	09/10/2001	D14TDH&DKT BCN3	19	19	19	2.97	87	Khá			9,937,000	
219	19810430211	Trần Lâm Hải	Long	18/3/2001	D14TDH&DKT BCN3	19	19	19	2.95	88	Khá			9,937,000	
220	19810000350	Phạm Anh	Dũng	27/01/2001	D14THDK&TD H	14	14	14	2.93	84	Khá			7,322,000	
221	19810410332	Đỗ Văn	Ngọc	03/01/2001	D14CNKTDK1	19	19	19	2.89	93	Khá			9,937,000	
222	19810000336	Đông Văn	Long	13/10/2001	D14THDK&TD H	14	14	14	2.89	85	Khá			7,322,000	
223	19810410182	Đỗ Công	Công	10/12/2001	D14CNKTDK1	19	19	19	2.87	93	Khá			9,937,000	
224	19810430241	Lê Văn	Đức	26/04/2000	D14TDH&DKT BCN3	19	19	19	2.87	84	Khá			9,937,000	
225	19810410337	Hoàng Văn	Thuận	27/9/2001	D14CNKTDK1	19	19	19	2.84	85	Khá			9,937,000	
226	19810430239	Nguyễn Tùng	Lâm	22/02/2001	D14TDH&DKT BCN3	19	19	19	2.84	86	Khá			9,937,000	
227	19810430275	Nguyễn Hà	Nam	04/12/2001	D14TDH&DKT BCN3	19	19	19	2.84	80	Khá			9,937,000	
228	19810430029	Nguyễn Thúy	Quỳnh	13/05/2001	D14TDH&DKT BCN4	19	19	19	2.82	94	Khá			9,937,000	
229	19810430227	Phạm Xuân	Thành	01/02/2001	D14TDH&DKT BCN3	19	19	19	2.82	83	Khá			9,937,000	
230	19810000108	Phan Thị Hà	Trúc	17/10/2001	D14NLTT	19	19	19	3.66	91	Xuất sắc			11924400	
231	19810340231	Nguyễn Minh	Đức	20/9/2001	D14HTTMDT2	11	11	11	4	93	Xuất sắc			6,903,600	
232	19810320470	Bùi Đình	Son	12/09/2001	D14QTANM2	15	15	15	4	91	Xuất sắc			9,414,000	
233	19810310026	Trần Tuấn	Anh	28/05/2000	D14CNPM1	15	15	15	3.93	90	Xuất sắc			9,414,000	
234	19810340372	Đỗ Thị Thu	Huyền	11/01/2001	D14HTTMDT1	11	11	11	3.91	91	Xuất sắc			6,903,600	
235	19810340521	Ngô Thị Minh	Nguyệt	29/08/2001	D14HTTMDT1	11	11	11	3.91	90	Xuất sắc			6,903,600	
236	19810340546	Đỗ Hoàng	Thạch	19/10/2001	D14HTTMDT2	14	14	11	3.89	97	Xuất sắc			8,210,400	

TT	Mã sinh viên	Họ và	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Tổng tín chỉ đăng ký trong kỳ	Số TC đăng ký mới	Số TC điều kiện	Điểm TB hệ 4	TC phụ số 5.1 - Điểm rèn luyện	Xếp loại HB	TC phụ số 5.2- Điểm thi tuyển (dành cho khối D17)	TC phụ số 5.3- Điểm TBCTL	Mức tiền được hưởng sinh viên (ĐVT: VNĐ)	Ghi chú
237	19810320673	Hà Mai	Lan	24/08/2001	D14QTANM2	15	15	15	3.8	96	Xuất sắc			9,414,000	
238	19810320549	Nguyễn Lam	Trường	12/07/2001	D14QTANM2	15	15	15	3.67	94	Xuất sắc			9,414,000	
239	19810310582	Nguyễn Ngọc	Duy	19/01/2001	D14CNPM8	15	15	15	3.6	90	Xuất sắc			9,414,000	
240	19810340249	Nguyễn Văn	Khoa	01/05/2001	D14HTTMDT2	14	14	11	4	81	Giỏi			7,526,200	
241	19810340595	Lê Thị Thu	Hiền	02/02/2001	D14HTTMDT1	11	11	11	4	80	Giỏi			6,328,300	
242	19810000356	Lê Quang	Sang	10/03/2001	D14TTNT&TG MT	15	15	15	4	87	Giỏi			8,277,500	
243	19810340422	Nguyễn Việt	Dũng	16/4/2001	D14HTTMDT2	14	14	11	3.93	83	Giỏi			7,526,200	
244	19810000174	Nguyễn Công	Minh	20/11/2001	D14TTNT&TG MT	15	15	15	3.93	87	Giỏi			8,277,500	
245	19810310256	Đinh Thị	Thảo	03/08/2001	D14CNPM4	15	15	15	3.8	82	Giỏi			8,629,500	
246	19810310202	Hoàng Nghĩa	Trung	12/08/2001	D14CNPM3	15	15	15	3.8	81	Giỏi			8,629,500	
247	19810000426	Nguyễn Huy	Hoàng	15/05/2001	D14TTNT&TG MT	15	15	15	3.8	88	Giỏi			8,277,500	
248	19810340191	Trần Thị Hải	Yến	02/10/2001	D14HTTMDT1	11	11	11	3.77	82	Giỏi			6,328,300	
249	19810310246	Nguyễn Văn Đại	Cương	19/12/2001	D14CNPM4	15	15	15	3.73	81	Giỏi			8,629,500	
250	19810310151	Nguyễn Xuân	Thành	09/08/2001	D14CNPM3	15	15	15	3.73	81	Giỏi			8,629,500	
251	19810340167	Nguyễn Tiến	Dũng	28/10/2001	D14HTTMDT1	11	11	11	3.73	84	Giỏi			6,328,300	
252	19810000544	Mẫn Bá	Tài	05/07/2000	D14TTNT&TG MT	15	15	15	3.73	85	Giỏi			8,277,500	
253	19810000545	Nguyễn Đăng	Son	20/03/2001	D14TTNT&TG MT	15	15	15	3.73	82	Giỏi			8,277,500	
254	19810340435	Phạm Đức	Hiếu	07/10/2001	D14HTTMDT1	11	11	11	3.68	80	Giỏi			6,328,300	
255	19810310028	Vương Tuấn	Anh	16/05/2001	D14CNPM1	15	15	15	3.67	81	Giỏi			8,629,500	
256	19810310262	Nguyễn Đức	Lương	24/03/2001	D14CNPM4	15	15	15	3.67	85	Giỏi			8,629,500	

TT	Mã sinh viên	Họ và	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Tổng tín chỉ đăng ký trong kỳ	Số TC đăng ký mới	Số TC điều kiện	Điểm TB hệ 4	TC phụ số 5.1 - Điểm rèn luyện	Xếp loại HB	TC phụ số 5.2- Điểm thi tuyển (dành cho khối D17)	TC phụ số 5.3- Điểm TBCTL	Mức tiền được hưởng sinh viên (ĐVT: VNĐ)	Ghi chú
257	19810310044	Trần Văn	Hung	30/01/1997	D14QTANM2	15	15	15	3.67	86	Giỏi			8,629,500	
258	19810000451	Phạm Thanh	Phong	27/07/2001	D14TTNT&TG MT	18	18	15	3.67	82	Giỏi			10,003,400	
259	19810000517	Trần Lưu	Tú	09/04/2001	D14TTNT&TG MT	15	15	15	3.67	88	Giỏi			8,277,500	
260	19810310158	Vương Văn	Linh	18/01/2001	D14CNPM3	15	15	15	3.6	80	Giỏi			8,629,500	
261	19810310051	Hoàng Đức	Vinh	04/10/2001	D14CNPM1	15	15	15	3.6	82	Giỏi			8,629,500	
262	19810320636	Lê Minh Trung	Hiếu	21/7/2001	D14QTANM2	18	18	15	3.58	88	Giỏi			9,827,400	
263	19810310338	Đoàn Minh	Quang	23/9/2001	D14CNPM2	15	15	15	3.57	83	Giỏi			8,629,500	
264	19810320375	Nguyễn Văn	Hoan	11/03/2001	D14QTANM1	15	15	15	3.57	90	Giỏi			8,629,500	
265	19810310145	Phạm Minh	Hải	21/01/2001	D14CNPM3	15	15	15	3.53	80	Giỏi			8,629,500	
266	19810310580	Nguyễn Đình	Mạnh	15/05/2001	D14CNPM8	15	15	15	3.53	81	Giỏi			8,629,500	
267	19810310071	Nguyễn Khắc	Trọng	20/1/2001	D14CNPM2	15	15	15	3.53	90	Giỏi			8,629,500	
268	19810310235	Phạm Văn	Minh	08/09/2001	D14CNPM4	15	15	15	3.53	90	Giỏi			8,629,500	
269	19810310657	Trần Trung	Kiên	24/11/2001	D14CNPM8	15	15	15	3.53	86	Giỏi			8,629,500	
270	19810310642	Đỗ Hoàng	Linh	22/07/2001	D14CNPM8	15	15	15	3.53	85	Giỏi			8,629,500	
271	19810310616	Vũ Nhật	Minh	12/11/2001	D14CNPM8	15	15	15	3.5	91	Giỏi			8,629,500	
272	19810340224	Nguyễn Minh	Vương	29/10/2001	D14HTTMDT1	11	11	11	3.5	85	Giỏi			6,328,300	
273	19810320211	Trần Bích	Ngọc	05/11/2001	D14QTANM2	15	15	15	3.47	94	Giỏi			8,629,500	
274	19810830073	Hoàng Phương	Thảo	21/12/1999	D14KT&KS	19	19	19	3.89	97	Xuất sắc			9,826,800	
275	19810810189	Nguyễn Thị	Hồng	04/04/2001	D14KTDN3	19	19	19	3.79	92	Xuất sắc			9,826,800	
276	19810810001	Đặng Văn	Anh	26/09/2001	CLC.D14KTDN	16	16	16	3.69	95	Xuất sắc			17,160,000	

TT	Mã sinh viên	Họ và	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Tổng tín chỉ đăng ký trong kỳ	Số TC đăng ký mới	Số TC điều kiện	Điểm TB hệ 4	TC phụ số 5.1 - Điểm rèn luyện	Xếp loại HB	TC phụ số 5.2- Điểm thi tuyển (dành cho khối D17)	TC phụ số 5.3- Điểm TBCTL	Mức tiền được hưởng sinh viên (ĐVT: VNĐ)	Ghi chú
277	19810830007	Bùi Hồng	Trang	06/09/2001	D14KT&KS	22	19	19	3.68	90	Xuất sắc			11,378,400	
278	19810810072	Lý Diệu	Hương	31/12/2001	D14KTDN2	19	19	19	3.68	98	Xuất sắc			9,826,800	
279	19810810023	Phạm Nhật	Huyền	19/10/2001	D14KTDN1	19	19	19	3.63	91	Xuất sắc			9,826,800	
280	19810830065	Lê Thị Quỳnh	Anh	22/4/2001	D14KT&KS	19	19	19	3.89	88	Giỏi			9,007,900	
281	19810810027	Nguyễn Thị	Hòa	20/9/2001	D14KTDN1	19	19	19	3.84	88	Giỏi			9,007,900	
282	19810810009	Phạm Thị	Ánh	01/04/2001	D14KTDN1	19	19	19	3.84	89	Giỏi			9,007,900	
283	19810810079	Nguyễn Thị Lan	Anh	13/08/2001	D14KT&KS	19	19	19	3.79	86	Giỏi			9,007,900	
284	19810830001	Hà Thị Phương	Thảo	11/11/2001	D14KT&KS	19	19	19	3.76	87	Giỏi			9,007,900	
285	19810810070	Đỗ Thanh	Hà	18/12/2001	D14KTDN2	19	19	19	3.76	84	Giỏi			9,007,900	
286	19810830092	Nguyễn Thị	Nụ	05/01/2001	D14KT&KS	19	19	19	3.74	88	Giỏi		3.56	9,007,900	
287	19810850003	Hoàng Minh	Dương	23/02/2001	D14KIEMTOA N	18	18	18	3.19	87	Khá			7,758,000	
288	19819120146	Trương Minh	Thắng	14/10/2001	D14DIENLANH	21	21	21	3.24	88	Giỏi			11,553,300	
289	19819120120	Đặng Long	Vũ	21/10/2001	D14DIENLANH	21	21	21	3.21	90	Giỏi			11,553,300	
290	19819120148	Lý Thành	Long	09/01/2001	D14DIENLANH	21	21	21	3.17	86	Khá			10,503,000	
291	19810230081	Nguyễn Văn	Hào	10/7/2001	D14LOGISTICS 1	19	19	19	4	98	Xuất sắc			11,482,800	
292	19810230073	Bùi Anh	Thư	24/10/2001	D14LOGISTICS 1	19	19	19	3.84	94	Xuất sắc			11,482,800	
293	19810230083	Trịnh Văn	Hùng	21/10/1997	D14LOGISTICS 2	21	19	19	3.64	93	Xuất sắc			12,738,000	
294	19810230070	Lý Thị Thanh	Lam	07/02/2001	D14LOGISTICS 1	19	19	19	3.95	88	Giỏi			10,525,900	
295	19810230040	Trần Bảo	Vân	11/03/2001	D14LOGISTICS 1	19	19	19	3.68	89	Giỏi			10,525,900	
296	19810000081	Phạm Đức	Lương	04/05/2001	D14QLSX&TN	17	17	17	3.15	80	Khá			8,523,000	

TT	Mã sinh viên	Họ và	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Tổng tín chỉ đăng ký trong kỳ	Số TC đăng ký mới	Số TC điều kiện	Điểm TB hệ 4	TC phụ số 5.1 - Điểm rèn luyện	Xếp loại HB	TC phụ số 5.2- Điểm thi tuyển (dành cho khối D17)	TC phụ số 5.3- Điểm TBCTL	Mức tiền được hưởng sinh viên (ĐVT: VNĐ)	Ghi chú
297	19810000072	Lại Minh	Hiếu	24/05/2001	D14TTDIEN	17	17	17	3.12	95	Khá			8,891,000	
298	19810720139	Nguyễn Thị	Mai	06/04/2001	D14QTDLKS2	19	19	19	3.76	90	Xuất sắc			9,826,800	
299	19810720069	Nguyễn Thị Thanh	Hương	02/01/2001	D14QTDLKS1	19	19	19	3.66	90	Xuất sắc			9,826,800	
300	19810710241	Đỗ Ngọc	Anh	07/07/2001	D14QTDN3	18	18	18	3.78	93	Xuất sắc			9,530,400	
301	19810710087	Nguyễn Hương	Giang	23/08/2001	D14QTDN1	18	18	18	3.61	93	Xuất sắc			9,530,400	
302	19810720140	Vũ Thị	Thoảng	07/09/2000	D14QTDLKS2	19	19	19	3.84	82	Giỏi			9,007,900	
303	19810710095	Vương Mạc	Linh	24/01/2001	D14QTDN1	18	18	18	3.83	87	Giỏi			8,736,200	
304	19810720231	Vũ Thị	Dinh	22/02/2001	D14QTDLKS2	19	19	19	3.79	85	Giỏi			9,007,900	
305	19810720257	Dương Thị	Bảo	29/05/2001	D14QTDLKS2	19	19	19	3.76	83	Giỏi			9,007,900	
306	19810720199	Ngô Thị	Liên	08/07/2001	D14QTDLKS2	19	19	19	3.74	86	Giỏi			9,007,900	
307	19810710089	Phạm Ngọc	Anh	25/04/2001	D14QTDN1	18	18	18	3.72	86	Giỏi			8,736,200	
308	19810710125	Nguyễn Thị	Lành	01/01/2001	D14QTDN2	18	18	18	3.72	88	Giỏi			8,736,200	
309	19810720172	Lương Trọng	Đồng	17/9/2001	D14QTDLKS2	19	19	19	3.71	83	Giỏi			9,007,900	
310	19810720205	Hoàng Thị	Loan	22/10/2001	D14QTDLKS2	19	19	19	3.68	87	Giỏi			9,007,900	
311	19810720183	Lại Thị	Vui	18/07/2001	D14QTDLKS2	19	19	19	3.66	81	Giỏi			9,007,900	
312	19810720230	Nguyễn Thị Thu	Hương	01/08/2001	D14QTDLKS2	19	19	19	3.61	84	Giỏi			9,007,900	
313	19810710137	Trần Khánh	Chi	26/08/2001	D14QTDN2	18	18	18	3.61	83	Giỏi			8,736,200	
314	19810710100	Trần Hoài Phương	Trang	12/05/2001	D14QTDN2	18	18	18	3.61	88	Giỏi			8,736,200	
315	19810720033	Bùi Thị Hà	Ly	01/09/2001	D14QTDLKS1	19	19	19	3.58	93	Giỏi			9,007,900	
316	19810710070	Bùi Thị Hồng	Ngọc	09/02/2001	D14QTDN1	18	18	18	3.56	92	Giỏi			8,736,200	

TT	Mã sinh viên	Họ và	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Tổng tín chỉ đăng ký trong kỳ	Số TC đăng ký mới	Số TC điều kiện	Điểm TB hệ 4	TC phụ số 5.1 - Điểm rèn luyện	Xếp loại HB	TC phụ số 5.2- Điểm thi tuyển (dành cho khối D17)	TC phụ số 5.3- Điểm TBCTL	Mức tiền được hưởng sinh viên (ĐVT: VNĐ)	Ghi chú
317	19810720174	Đoàn Thị	Giang	13/07/2001	D14QTDN3	18	18	18	3.56	86	Giỏi			8,736,200	
318	19810710016	Nguyễn Thu	Trang	17/10/2001	D14QTDN1	18	18	18	3.56	87	Giỏi			8,736,200	
319	19810840073	Bùi Út	My	19/6/2001	D14NGANHAN G	19	19	19	3.58	90	Giỏi			9,007,900	
320	19810820076	Kiều Thị Yến	Phượng	12/01/2001	D14TCDN	19	19	19	3.53	90	Giỏi			9,007,900	
321	19810820051	Lê Thị Hà	Phượng	09/08/2001	D14TCDN	19	19	19	3.53	85	Giỏi			9,007,900	
322	19810840010	Nguyễn Ánh	Nguyệt	09/04/2001	D14NGANHAN G	19	19	19	3.47	91	Giỏi			9,007,900	
323	19810820077	Nguyễn Thị	Hường	16/9/2001	D14TCDN	19	19	19	3.42	85	Giỏi			9,007,900	
324	19810820062	Hoàng Thị	Huệ	10/11/2001	D14TCDN	19	19	19	3.42	83	Giỏi			9,007,900	
325	19810000112	Phan Thị Thu	Phượng	07/08/2001	D14KDTMTT	18	18	18	3.75	92	Xuất sắc			9,530,400	
326	19810000017	Bùi Thành	Nam	18/02/2001	D14KDTMTT	18	18	18	3.67	91	Xuất sắc			9,530,400	
327	19810000146	Phạm Trung	Hoàng	24/12/2001	D14KDTMTT	18	18	18	3.58	83	Giỏi			8,736,200	
328	20810620052	Nguyễn Văn	Lương	13/12/2002	D15CODT3	18	18	18	3.75	90	Xuất sắc			10,912,800	
329	20810620028	Nguyễn Bá Hòa	Nam	13/08/2002	D15CODT1	20	18	18	3.85	81	Giỏi			11,154,000	
330	20810620088	Nguyễn Hữu	Lượng	28/04/2002	D15CODT2	18	18	18	3.69	85	Giỏi			10,003,400	
331	20810620096	Nguyễn Đình	Duy	20/11/2002	D15CODT2	18	18	18	3.58	95	Giỏi			10,003,400	
332	20810620043	Phùng Mạnh	Hùng	09/11/2002	D15CODT1	18	18	18	3.56	82	Giỏi			10,003,400	
333	20810620087	Lê Đình	Hung	17/10/2002	D15CODT2	18	18	18	3.5	98	Giỏi			10,003,400	
334	20810620097	Nguyễn Trường	Giang	27/11/2002	D15CODT2	18	18	18	3.44	82	Giỏi			10,003,400	
335	20810620033	Đào Văn	Long	20/12/2002	D15CODT3	18	18	18	3.42	86	Giỏi			10,003,400	
336	20810000080	Đàm Công	Ý	03/9/2002	D15CKCTM	18	18	18	3.89	91	Xuất sắc			10,912,800	

TT	Mã sinh viên	Họ và	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Tổng tín chỉ đăng ký trong kỳ	Số TC đăng ký mới	Số TC điều kiện	Điểm TB hệ 4	TC phụ số 5.1 - Điểm rèn luyện	Xếp loại HB	TC phụ số 5.2- Điểm thi tuyển (dành cho khối D17)	TC phụ số 5.3- Điểm TBCTL	Mức tiền được hưởng sinh viên (ĐVT: VNĐ)	Ghi chú
337	20810610035	Phùng Tiến	Dũng	23/12/2002	D15CKOTOI	18	18	18	3.94	87	Giỏi			10,003,400	
338	20810000240	Nguyễn Hữu	Mạnh	13/09/2002	D15CKCTM	18	18	18	3.78	85	Giỏi			10,003,400	
339	20810610265	Nguyễn Anh	Đức	07/11/2002	D15CKOTOI	18	18	18	3.36	86	Giỏi			10,003,400	
340	20810610002	Nguyễn Văn	Linh	25/02/2001	D15CKOTOI	18	18	18	3.33	85	Giỏi			10,003,400	
341	20810000100	Phạm Văn	Hùng	15/11/2002	D15CKCTM	18	18	18	3.83	79	Khá			9,094,000	
342	20810000227	Nguyễn Tiến	Dũng	11/07/2002	D15CKCTM	18	18	18	3.83	79	Khá			9,094,000	
343	20810630075	Nguyễn Văn	Nam	06/11/2002	D15XDDD&CN	18	18	18	3.31	92	Giỏi			10,003,400	
344	20810630055	Nguyễn Quang	Hiếu	14/10/2002	D15XDDD&CN	18	18	18	2.72	87	Khá			9,094,000	
345	20810630044	Phạm Duy	Nam	25/03/2002	D15XDDD&CN	18	18	18	2.67	85	Khá			9,094,000	
346	20810630037	Phạm Thành	Ngọc	02/12/2002	D15XDDD&CN	18	18	18	2.56	84	Khá			9,094,000	
347	20810540044	Trần Thị	Thảo	17/11/1996	D15DTVT	19	19	19	3.63	92	Xuất sắc			11,540,400	
348	20810510101	Nguyễn Hoàng	Duy	29/11/2002	D15DTVT	19	19	19	3.18	80	Khá			9,617,000	
349	20810510088	Đình Quang	Hà	20/01/2002	D15DTVT	19	19	19	3.11	80	Khá			9,617,000	
350	20810510100	Trương Duy	Hải	28/01/1994	D15DT&KTMT	19	19	19	3.08	92	Khá			9,617,000	
351	20810000254	Phạm Quang	Sự	01/06/2002	D15DTVT	19	19	19	3.05	86	Khá			9,617,000	
352	20810540058	Nguyễn Thị Mai	Phương	06/09/2002	D15DTVT	19	19	19	3.03	89	Khá			9,617,000	
353	20810000290	Lê Văn	Quý	28/12/2002	D15DTVT	19	19	19	3.03	80	Khá			9,617,000	
354	20810510077	Phạm Minh	Quang	20/12/2002	D15DTVT	19	19	19	3	86	Khá			9,617,000	
355	20810000286	Phạm Văn Sơn	Hải	02/06/2002	D15DT&KTMT	19	19	19	2.95	87	Khá			9,617,000	
356	20810540021	Nguyễn Thị	Hoa	21/12/2002	D15DTVT	19	19	19	2.92	86	Khá			9,617,000	

TT	Mã sinh viên	Họ và	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Tổng tín chỉ đăng ký trong kỳ	Số TC đăng ký mới	Số TC điều kiện	Điểm TB hệ 4	TC phụ số 5.1 - Điểm rèn luyện	Xếp loại HB	TC phụ số 5.2- Điểm thi tuyển (dành cho khối D17)	TC phụ số 5.3- Điểm TBCTL	Mức tiền được hưởng sinh viên (ĐVT: VNĐ)	Ghi chú
357	20810000276	Nguyễn Việt	Hoàng	15/05/2002	D15MVT&MT	19	19	19	2.92	86	Khá			9,617,000	
358	20810000322	Nguyễn Thị	Hồng	19/08/2002	D15DTVT	19	19	19	2.89	88	Khá			9,617,000	
359	20810160500	Đỗ Đức	Khánh	16/03/2002	D15DCN&DD2	19	19	19	3.5	83	Giỏi			10,578,700	
360	20810160520	Hồ Thị Hương	Giang	25/03/2002	D15H6	19	19	19	3.45	85	Giỏi			10,578,700	
361	20810420039	Phạm Bùi Quỳnh	Anh	28/6/2002	D15H4	19	19	19	3.45	92	Giỏi			10,578,700	
362	20810160507	Nguyễn Xuân	Chúc	06/11/2002	D15H2	19	19	19	3.34	88	Giỏi			10,578,700	
363	20810110286	Nguyễn Trung	Hiếu	14/09/2002	D15H3	19	19	19	3.34	96	Giỏi			10,578,700	
364	20810420004	Nguyễn Duy	Khánh	27/6/2002	D15H4	19	19	19	3.32	84	Giỏi			10,578,700	
365	20810110182	Trần Văn	Hùng	01/09/2002	D15DCN&DD1	19	19	19	3.26	88	Giỏi			10,578,700	
366	20810170410	Nguyễn Trọng	Hiếu	07/06/2002	D15H6	19	19	19	3.26	85	Giỏi			10,578,700	
367	20810420006	Vũ Đức	Hà	10/9/2001	D15H4	19	19	19	3.26	86	Giỏi			10,578,700	
368	20810160455	Lưu Hữu	Huy	08/12/2002	D15DCN&DD2	19	19	19	3.21	83	Giỏi			10,578,700	
369	20810160531	Đỗ Trung	Hiếu	23/06/2002	D15H6	19	19	19	3.21	85	Giỏi			10,578,700	
370	20810420078	Mai Quang	Hưng	03/03/2002	D15H5	21	19	19	3.21	85	Giỏi			11,458,700	
371	20810170361	Lê Văn	Điện	11/08/2001	D15TDHHTD1	19	19	19	3.18	88	Khá			9,617,000	
372	20810110302	Nguyễn Văn	Long	20/08/2002	D15H3	19	19	19	3.16	89	Khá			9,617,000	
373	20810110265	Lê Đình	Phương	27/12/2002	D15H3	19	19	19	3.16	86	Khá			9,617,000	
374	20810420012	Nguyễn Tuấn	Ngọc	07/10/2001	D15H4	19	19	19	3.16	85	Khá			9,617,000	
375	20810160491	Đào Khánh	Duy	03/02/2002	D15H5	19	19	19	3.13	88	Khá			9,617,000	
376	20810420074	Đỗ Xuân	An	20/4/2002	D15DCN&DD1	19	19	19	3.11	94	Khá			9,617,000	

TT	Mã sinh viên	Họ và	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Tổng tín chỉ đăng ký trong kỳ	Số TC đăng ký mới	Số TC điều kiện	Điểm TB hệ 4	TC phụ số 5.1 - Điểm rèn luyện	Xếp loại HB	TC phụ số 5.2- Điểm thi tuyển (dành cho khối D17)	TC phụ số 5.3- Điểm TBCTL	Mức tiền được hưởng sinh viên (ĐVT: VNĐ)	Ghi chú
377	20810170312	Trần Bá	Đạt	03/08/2002	D15DCN&DD1	23	19	19	3.11	88	Khá			11,921,000	
378	20810170416	Nguyễn Trung	Hiếu	13/05/2002	D15TDHHTD2	19	19	19	3.08	83	Khá			9,617,000	
379	20810170364	Dương Đức	Hoàng	03/11/2002	D15DCN&DD2	19	19	19	3.05	87	Khá			9,617,000	
380	20810160459	Vũ Văn	Ninh	12/04/2002	D15TDHHTD2	19	19	19	3.05	89	Khá			9,617,000	
381	20810110300	Lục Nguyễn Tiến	Bộ	16/11/2002	D15H3	19	19	19	3	81	Khá			9,617,000	
382	20810420038	Vì Thu	Huyền	01/11/2002	D15H4	19	19	19	3	83	Khá			9,617,000	
383	20810160458	Nguyễn Ngọc	Đạt	29/08/2002	D15DCN&DD2	19	19	19	2.97	84	Khá			9,617,000	
384	20810420025	Phạm Khánh	Linh	25/10/2002	D15H4	19	19	19	2.97	88	Khá			9,617,000	
385	20810160425	Nguyễn Văn	Quang	10/03/2002	D15DCN&DD2	19	19	19	2.95	87	Khá			9,617,000	
386	20810160505	Kim Ngọc	Bảo	11/08/2002	D15H2	19	19	19	2.95	86	Khá			9,617,000	
387	20810160423	Nguyễn Hữu	Hải	29/10/2002	D15H1	19	19	19	2.95	92	Khá			9,617,000	
388	20810160472	Đình Gia	Diễn	03/01/2002	D15TDHHTD2	19	19	19	2.95	91	Khá			9,617,000	
389	20810160556	Nguyễn Văn	Khánh	03/07/2002	D15TDHHTD1	19	19	19	2.95	85	Khá			9,617,000	
390	20810420037	Nguyễn Lê Khánh	Hòa	15/5/2002	D15TDHHTD1	19	19	19	2.92	88	Khá			9,617,000	
391	20810170305	Trần Công	Tuyên	21/01/2002	D15TDHHTD2	19	19	19	2.89	88	Khá			9,617,000	
392	20810160470	Lê Đức	Vinh	25/08/2002	D15DCN&DD2	19	19	19	2.87	85	Khá			9,617,000	
393	20810420002	Nguyễn Tuấn	Anh	13/10/2002	D15H4	19	19	19	2.87	91	Khá			9,617,000	
394	20810420019	Lê Minh	Ánh	19/7/2002	D15H4	19	19	19	2.87	86	Khá			9,617,000	
395	20810160461	Nguyễn Đức	Việt	02/04/2002	D15H6	19	19	19	2.82	84	Khá			9,617,000	
396	20810170327	Nguyễn Hàn Sinh	Long	05/02/2002	D15H6	19	19	19	2.79	98	Khá			9,617,000	

TT	Mã sinh viên	Họ và	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Tổng tín chỉ đăng ký trong kỳ	Số TC đăng ký mới	Số TC điều kiện	Điểm TB hệ 4	TC phụ số 5.1 - Điểm rèn luyện	Xếp loại HB	TC phụ số 5.2- Điểm thi tuyển (dành cho khối D17)	TC phụ số 5.3- Điểm TBCTL	Mức tiền được hưởng sinh viên (ĐVT: VNĐ)	Ghi chú
397	20810430382	Lê Đình	Anh	05/05/2002	D15TDH&DKT BCN4	17	17	17	3.53	90	Giỏi			9,428,100	
398	20810430121	Phạm Tuấn	Anh	11/10/1998	D15TDH&DKT BCN3	17	17	17	3.35	82	Giỏi			9,428,100	
399	20810430149	Mai Đăng	Tuân	24/02/2002	D15CNKTDK	17	17	17	3.29	91	Giỏi			9,428,100	
400	20810430375	Nguyễn Đình	Hiếu	28/01/2002	D15TDH&DKT BCN4	17	17	17	3.29	85	Giỏi			9,428,100	
401	20810430153	Nguyễn Tiến	Đại	26/02/2002	D15TDH&DKT BCN3	17	17	17	3.29	82	Giỏi			9,428,100	
402	20810430394	Trần Quốc	Thuận	02/01/2001	D15CNKTDK	17	17	17	3.24	96	Giỏi			9,428,100	
403	20810410081	Vũ Phan	Anh	24/01/2002	D15TDH&DKT BCN2	17	17	17	3.06	90	Khá			8,571,000	
404	20810430365	Chu Đình	Chiều	26/03/2002	D15TDH&DKT BCN4	17	17	17	3.03	85	Khá			8,571,000	
405	20810430211	Triệu Quốc	Khánh	02/08/2002	D15TDH&DKT BCN4	17	17	17	3	82	Khá			8,571,000	
406	20810410006	Nguyễn Văn	Tuyển	16/8/2002	D15TDH&DKT BCN1	17	17	17	3	91	Khá			8,571,000	
407	20810430395	Nguyễn Văn	Sang	20/07/2002	D15TDH&DKT BCN5	17	17	17	3	85	Khá			8,571,000	
408	20810410107	Phan Văn	Thanh	28/7/2002	D15TDH&DKT BCN2	17	17	17	2.94	90	Khá			8,571,000	
409	20810410009	Nguyễn Tiến	Đạt	05/10/2002	D15TDH&DKT BCN2	17	17	17	2.91	82	Khá			8,571,000	
410	20810430253	Giáp Xuân	Thường	01/06/2000	D15TDH&DKT BCN5	17	17	17	2.88	90	Khá			8,571,000	
411	20810410119	Nguyễn Văn	Ninh	03/7/2002	D15TDH&DKT BCN2	17	17	17	2.88	90	Khá			8,571,000	
412	20810430164	Nguyễn Văn	Thi	27/08/2002	D15TDH&DKT BCN3	17	17	17	2.88	88	Khá			8,571,000	
413	20810410037	Nguyễn Thạc Việt	Anh	04/7/2002	D15TDH&DKT BCN1	17	17	17	2.79	82	Khá			8,571,000	
414	20810430221	Phạm Lê Hương	Ly	19/09/2002	D15TDH&DKT BCN4	17	17	17	2.76	91	Khá			8,571,000	
415	20810410094	Nguyễn Quang	Linh	09/8/2002	D15TDH&DKT BCN2	17	17	17	2.76	90	Khá			8,571,000	
416	20810430247	Bùi Hữu	Hoàng	23/04/2002	D15CNKTDK	17	17	17	2.71	82	Khá			8,571,000	

TT	Mã sinh viên	Họ và	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Tổng tín chỉ đăng ký trong kỳ	Số TC đăng ký mới	Số TC điều kiện	Điểm TB hệ 4	TC phụ số 5.1 - Điểm rèn luyện	Xếp loại HB	TC phụ số 5.2- Điểm thi tuyển (dành cho khối D17)	TC phụ số 5.3- Điểm TBCTL	Mức tiền được hưởng sinh viên (ĐVT: VNĐ)	Ghi chú
417	20810430189	Lê Quốc	Việt	30/09/2002	D15CNKTDK	17	17	17	2.71	87	Khá			8,571,000	
418	20810410092	Đỗ Trung	Kiên	08/04/2002	D15CNKTDK	17	17	17	2.71	84	Khá			8,571,000	
419	20810430138	Trịnh Dương	Thọ	09/04/2002	D15TDH&DKT BCN3	17	17	17	2.68	84	Khá			8,571,000	
420	20810430320	Nguyễn Văn	Nam	06/08/2001	D15TDH&DKT BCN2	17	17	17	2.68	80	Khá			8,571,000	
421	20810430368	Nguyễn Huy	Hiệp	27/02/2002	D15TDH&DKT BCN4	17	17	17	2.65	84	Khá			8,571,000	
422	20810430191	Không Minh	Hiệp	07/01/2002	D15CNKTDK	17	17	17	2.65	87	Khá			8,571,000	
423	20810430207	Đỗ Tuấn	Anh	16/09/2002	D15CNKTDK	17	17	17	2.65	80	Khá			8,571,000	
424	20810430303	Đào Trọng	Đạt	28/12/2002	D15TDH&DKT BCN1	17	17	17	2.59	91	Khá			8,571,000	
425	20810000476	Ngô Thị Thúy	Quỳnh	26/01/2002	D15QLMTCN	19	19	19	3.58	87	Giỏi			10,578,700	
426	20810000365	Mạc Thị Ánh	Nguyệt	02/12/2002	D15NLTT	16	16	16	3.31	87	Giỏi			8,852,800	
427	20810320119	Vũ Thị	Linh	19/01/2002	D15TTNT&TG MT	16	16	16	3.66	90	Xuất sắc			9,657,600	
428	20810310042	Trần Hữu Châu	Minh	10/9/1997	D15CNPM1	17	17	17	3.85	86	Giỏi			9,428,100	
429	20810310074	Nguyễn Thị Phương	Mai	10/3/1999	D15CNPM2	17	17	17	3.71	80	Giỏi			9,428,100	
430	20810310391	Trần Minh	Đức	27/07/2002	D15CNPM4	17	17	17	3.65	82	Giỏi			9,428,100	
431	20810310331	Nguyễn Hữu	Huân	17/11/2002	D15CNPM3	17	17	17	3.65	89	Giỏi			9,428,100	
432	20810310555	Nguyễn Thị Kim	Huệ	24/06/2002	D15HTTMDT1	18	18	18	3.64	85	Giỏi			9,598,600	
433	20810340160	Nguyễn Duy	Nam	06/06/2002	D15CNPM3	17	17	17	3.59	85	Giỏi			9,428,100	
434	20810310298	Phan Tiến	Huy	21/09/2002	D15CNPM2	17	17	17	3.53	81	Giỏi			9,428,100	
435	20810320107	Đỗ Đăng	Tùng	06/10/2002	D15CNPM7	17	17	17	3.53	81	Giỏi			9,428,100	
436	20810310386	Nguyễn Công	Mạnh	27/10/2002	D15CNPM4	17	17	17	3.53	80	Giỏi			9,428,100	

TT	Mã sinh viên	Họ và	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Tổng tín chỉ đăng ký trong kỳ	Số TC đăng ký mới	Số TC điều kiện	Điểm TB hệ 4	TC phụ số 5.1 - Điểm rèn luyện	Xếp loại HB	TC phụ số 5.2- Điểm thi tuyển (dành cho khối D17)	TC phụ số 5.3- Điểm TBCTL	Mức tiền được hưởng sinh viên (ĐVT: VNĐ)	Ghi chú
437	20810310267	Nguyễn Duy	Hiếu	07/11/2002	D15CNPM2	17	17	17	3.47	82	Giỏi			9,428,100	
438	20810310264	Nguyễn Văn	Cường	14/12/2002	D15CNPM2	17	17	17	3.47	86	Giỏi			9,428,100	
439	20810310402	Nguyễn Văn	Huy	15/06/2002	D15CNPM4	17	17	17	3.44	80	Giỏi			9,428,100	
440	20810310273	Trần Anh	Tuấn	03/12/2002	D15CNPM2	17	17	17	3.44	83	Giỏi			9,428,100	
441	20810310314	Vũ Việt	Anh	15/12/2002	D15CNPM3	17	17	17	3.44	83	Giỏi			9,428,100	
442	20810320093	Nguyễn Nhật	Anh	24/9/2002	D15HTTMDT2	18	18	18	3.42	93	Giỏi			9,598,600	
443	20810310433	Lê Hoàng	Sơn	28/02/2002	D15CNPM5	17	17	17	3.41	87	Giỏi			9,428,100	
444	20810310272	Chu Minh	Nam	07/02/2002	D15CNPM2	17	17	17	3.35	81	Giỏi			9,428,100	
445	20810310270	Phùng Thái	Sơn	26/02/2002	D15CNPM2	17	17	17	3.35	83	Giỏi			9,428,100	
446	20810340214	Đặng Lê Hà	Phong	27/07/2002	D15CNPM2	17	17	17	3.35	84	Giỏi			9,428,100	
447	20810340250	Lê Minh	Tú	26/08/2002	D15CNPM3	17	17	17	3.29	81	Giỏi			9,428,100	
448	20810310313	Đỗ Chí	Đức	04/09/2002	D15CNPM3	17	17	17	3.29	80	Giỏi			9,428,100	
449	20810320104	Dương Khánh	Linh	11/04/2002	D15CNPM7	17	17	17	3.26	80	Giỏi			9,428,100	
450	20810310311	Nguyễn Mỹ	Linh	22/02/2002	D15TTNT&TG MT	16	16	16	3.25	88	Giỏi			8,852,800	
451	20810310344	Nguyễn Hữu	Hiếu	05/12/2002	D15CNPM3	17	17	17	3.24	80	Giỏi			9,428,100	
452	20810310456	Nguyễn Tiến	Thế	04/06/2002	D15QTANM	18	18	18	3.22	90	Giỏi			10,003,400	
453	20810310347	Nguyễn Mạnh	Hưng	29/01/2002	D15TTNT&TG MT	16	16	16	3.22	82	Giỏi			8,852,800	
454	20810310326	Nguyễn Tiên	Phong	25/11/2002	D15TTNT&TG MT	16	16	16	3.22	87	Giỏi			8,852,800	
455	20810310274	Nguyễn Trung	Nguyễn	12/07/2002	D15CNPM2	17	17	17	3.21	87	Giỏi			9,428,100	
456	20810310432	Đậu Hoàng	Nam	15/11/2002	D15QTANM	18	18	18	3.39	79	Khá			9,094,000	

TT	Mã sinh viên	Họ và	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Tổng tín chỉ đăng ký trong kỳ	Số TC đăng ký mới	Số TC điều kiện	Điểm TB hệ 4	TC phụ số 5.1 - Điểm rèn luyện	Xếp loại HB	TC phụ số 5.2- Điểm thi tuyển (dành cho khối D17)	TC phụ số 5.3- Điểm TBCTL	Mức tiền được hưởng sinh viên (ĐVT: VNĐ)	Ghi chú
457	20810320082	Lê Trọng	Văn	15/11/1999	D15QTANM	18	18	18	3.36	76	Khá			9,094,000	
458	20810340166	Trần Chí	Kiên	28/03/2002	D15CNPM6	17	17	17	3.29	76	Khá			8,571,000	
459	20810320124	Nguyễn Hữu	Hùng	14/05/2002	D15CNPM7	17	17	17	3.26	78	Khá			8,571,000	
460	20810310475	Trần Tuấn	Anh	15/09/2002	D15CNPM5	17	17	17	3.18	85	Khá			8,571,000	
461	20810310405	Trần Hải	Đăng	08/12/2002	D15CNPM4	17	17	17	3.18	80	Khá			8,571,000	
462	20810830229	Phạm Thị	Phương	29/05/2002	D15KTDN3	17	17	17	3.47	89	Giỏi			7,910,100	
463	20810810173	Đoàn Bùi Phương	Thanh	22/11/2002	D15KT&KS	17	17	17	3.47	88	Giỏi			7,910,100	
464	20810830236	Nguyễn Thị Lâm	Oanh	31/10/2002	D15KTDN3	17	17	17	3.44	80	Giỏi			7,910,100	
465	20810810007	Đinh Thị Hương	Giang	02/9/2002	D15KTDN1	17	17	17	3.32	86	Giỏi			7,910,100	
466	20810830214	Bùi Văn	Anh	11/06/2002	D15KTDN3	17	17	17	3.29	84	Giỏi			7,910,100	
467	20810810141	Dương Thị	Hằng	30/12/2002	D15KTDN2	17	17	17	3.29	85	Giỏi			7,910,100	
468	20810810051	Dương Thùy	Linh	16/10/2002	D15KTDN1	17	17	17	3.29	80	Giỏi			7,910,100	
469	20810810041	Nguyễn Thị Khánh	Ly	14/9/2002	D15KTDN1	17	17	17	3.29	83	Giỏi			7,910,100	
470	20810810065	Nguyễn Thị Phương	Linh	12/05/2002	D15KTDN2	17	17	17	3.24	91	Giỏi			7,910,100	
471	20810810001	Nguyễn Thị Quỳnh	Chi	14/09/2002	D15KTDN1	17	17	17	3.15	84	Khá			7,191,000	
472	20810810039	Đỗ Thị	Nhung	26/8/2002	D15KTDN1	17	17	17	3.12	80	Khá			7,191,000	
473	20810810054	Trần Phương	Thảo	11/03/2002	D15KTDN1	17	17	17	3.06	83	Khá			7,191,000	
474	20810810154	Nguyễn Thị	Thảo	11/11/2001	D15KTDN2	17	17	17	3.03	85	Khá			7,191,000	
475	20810830215	Trần Thu	Hiền	11/12/2002	D15KTDN3	17	17	17	3.03	88	Khá			7,191,000	
476	20810810050	Nguyễn Thị Thùy	Linh	01/11/2002	D15KTDN1	17	17	17	2.97	83	Khá			7,191,000	

TT	Mã sinh viên	Họ và	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Tổng tín chỉ đăng ký trong kỳ	Số TC đăng ký mới	Số TC điều kiện	Điểm TB hệ 4	TC phụ số 5.1 - Điểm rèn luyện	Xếp loại HB	TC phụ số 5.2- Điểm thi tuyển (dành cho khối D17)	TC phụ số 5.3- Điểm TBCTL	Mức tiền được hưởng sinh viên (ĐVT: VNĐ)	Ghi chú
477	20810810129	Nguyễn Diệu	Linh	05/01/2002	D15KTDN2	17	17	17	2.94	86	Khá			7,191,000	
478	20810850089	Nguyễn Hà	Thu	07/11/2002	D15KIEMTOA N2	19	19	19	3.58	91	Giỏi			8,858,300	
479	20810850054	Đào Thanh	Hiền	01/12/2002	D15KIEMTOA N1	19	19	19	3.53	86	Giỏi			8,858,300	
480	20810850031	Nguyễn Thanh	Huyền	20/12/2002	D15KIEMTOA N1	19	19	19	3.39	83	Giỏi			8,858,300	
481	20810850036	Lưu Quỳnh	Duyên	03/11/2002	D15KIEMTOA N1	19	19	19	3.34	93	Giỏi			8,858,300	
482	20810850056	Lê Phương	Thảo	21/08/2002	D15KIEMTOA N2	19	19	19	3.29	85	Giỏi			8,858,300	
483	20810850045	Trần Thị Thu	Hoài	20/11/2002	D15KIEMTOA N1	19	19	19	3.29	81	Giỏi			8,858,300	
484	20819110127	Hoàng Trung	Kiên	28/04/2002	D15DIENLANH 2	17	17	17	2.97	96	Khá			8,571,000	
485	20819110113	Tạ Quốc	Duy	04/08/2002	D15DIENLANH 2	17	17	17	2.91	82	Khá			8,571,000	
486	20819110085	Lưu Thế	Quân	06/03/2002	D15DIENLANH 2	17	17	17	2.91	81	Khá			8,571,000	
487	20819110100	Lê Văn	Đức	16/07/2002	D15DIENLANH 1	17	17	17	2.85	86	Khá			8,571,000	
488	20819110084	Hoàng Trung	Hiếu	17/09/2002	D15DIENLANH 2	17	17	17	2.79	85	Khá			8,571,000	
489	20819110089	Nguyễn Hai	Giáp	24/03/2002	D15DIENLANH 1	17	17	17	2.79	87	Khá			8,571,000	
490	20819110052	Nguyễn Xuân	Chiến	05/12/2002	D15DIENLANH 1	17	17	17	2.74	88	Khá			8,571,000	
491	20810230036	Trần Lê Hương	Giang	16/08/2002	D15LOGISTICS 1	18	18	18	3.44	89	Giỏi			9,092,600	
492	20810230030	Hoàng Trà	My	30/01/2002	D15LOGISTICS 1	18	18	18	3.44	87	Giỏi			9,092,600	
493	20810230126	Nguyễn Thị Thương	Huyền	02/10/2002	D15LOGISTICS 3	18	18	18	3.42	85	Giỏi			9,092,600	
494	20810230086	Mạc Thị	Hiền	14/11/2002	D15LOGISTICS 2	18	18	18	3.39	82	Giỏi			9,092,600	
495	20810230098	Nguyễn Thị	Loan	10/06/2002	D15LOGISTICS 2	18	18	18	3.36	86	Giỏi			9,092,600	
496	20810230152	Nghiêm Thị Thu	Trang	18/08/2002	D15LOGISTICS 3	18	18	18	3.31	85	Giỏi			9,092,600	

TT	Mã sinh viên	Họ và	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Tổng tín chỉ đăng ký trong kỳ	Số TC đăng ký mới	Số TC điều kiện	Điểm TB hệ 4	TC phụ số 5.1 - Điểm rèn luyện	Xếp loại HB	TC phụ số 5.2- Điểm thi tuyển (dành cho khối D17)	TC phụ số 5.3- Điểm TBCTL	Mức tiền được hưởng sinh viên (ĐVT: VNĐ)	Ghi chú
497	20810230123	Nguyễn Thị Thùy	Trang	07/02/2002	D15LOGISTICS 3	18	18	18	3.31	84	Giỏi			9,092,600	
498	20810230049	Nguyễn Thị	Tâm	08/05/2002	D15LOGISTICS 1	18	18	18	3.19	85	Khá			8,266,000	
499	20810230153	Trần Thị Thảo	Đan	01/03/2002	D15LOGISTICS 3	18	18	18	3.19	84	Khá			8,266,000	
500	20810230139	Nguyễn Anh	Quân	14/06/2002	D15LOGISTICS 3	18	18	18	3.19	82	Khá			8,266,000	
501	20810000458	Nguyễn Thị	Hồng	27/7/2001	D15QLSX&TN	18	18	18	3.44	88	Giỏi			9,295,000	
502	20810000500	Nguyễn Thị	Lành	12/08/2002	D15QLDT&KH	18	18	18	3.44	88	Giỏi			9,295,000	
503	20810000516	Vũ Như	Quang	04/03/2002	D15QLSX&TN	18	18	18	3.31	89	Giỏi			9,295,000	
504	20810000510	Mai Thị	Phượng	03/09/2002	D15QLSX&TN	18	18	18	3.22	86	Giỏi			9,295,000	
505	20810000437	Lã Mạnh	Dũng	05/05/2002	D15KTNL	17	17	17	3	90	Khá			8,111,000	
506	20810000212	Phí Nguyễn Quỳnh	Anh	16/12/2002	D15KTNL	17	17	17	2.82	90	Khá			8,111,000	
507	20810000029	Kiều Thị Hồng	Nhung	25/11/2002	D15QTDVDL& LH1	19	19	19	3.42	87	Giỏi			8,686,700	
508	20810000350	Nguyễn Phương	Anh	23/09/2002	D15QTDVDL& LH2	19	19	19	3.42	87	Giỏi			8,686,700	
509	20810000353	Phùng Minh	Nhật	28/11/2002	D15QTDVDL& LH1	19	19	19	3.39	94	Giỏi			8,686,700	
510	20810000363	Nguyễn Hồng	Vân	26/04/2002	D15QTDVDL& LH2	19	19	19	3.29	86	Giỏi			8,686,700	
511	20810710088	Trịnh Thị	Mai	23/6/1999	D15QTDN1	19	19	19	3.58	92	Giỏi			8,858,300	
512	20810710166	Nguyễn Hồ Bảo	Ngọc	20/06/2002	D15QTDN2	19	19	19	3.47	90	Giỏi			8,858,300	
513	20810000307	Nguyễn Thị Vân	Anh	17/06/2002	D15QTDN4	19	19	19	3.37	81	Giỏi			8,858,300	
514	20810710159	Hồ Thị Hải	Yến	23/09/2002	D15QTDN2	19	19	19	3.24	83	Giỏi			8,858,300	
515	20810710074	Trần Thị	Diệp	12/11/2002	D15QTDN1	19	19	19	3.24	87	Giỏi			8,858,300	
516	20810710223	Trần Thị Quỳnh	Anh	08/05/2002	D15QTDN3	19	19	19	3.24	82	Giỏi			8,858,300	

TT	Mã sinh viên	Họ và	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Tổng tín chỉ đăng ký trong kỳ	Số TC đăng ký mới	Số TC điều kiện	Điểm TB hệ 4	TC phụ số 5.1 - Điểm rèn luyện	Xếp loại HB	TC phụ số 5.2- Điểm thi tuyển (dành cho khối D17)	TC phụ số 5.3- Điểm TBCTL	Mức tiền được hưởng sinh viên (ĐVT: VNĐ)	Ghi chú
517	20810710066	Nguyễn Thị Bảo	Ngọc	07/8/2001	D15QTDN1	19	19	19	3.21	91	Giỏi			8,858,300	
518	20810720025	Trần Thị	Trang	10/5/2002	D15QTDN4	19	19	19	3.08	87	Khá			8,053,000	
519	20810710164	Nguyễn Thị Khánh	Linh	28/07/2002	D15QTDN5	19	19	19	2.95	85	Khá			8,053,000	
520	20810000336	Nguyễn Hoàng	Hưng	24/12/2002	D15QTDN3	19	19	19	2.92	80	Khá			8,053,000	
521	20810710185	Trần Thị Ngọc	Linh	22/01/2002	D15QTDN3	19	19	19	2.89	83	Khá			8,053,000	
522	20810710154	Trần Thị Như	Quỳnh	01/09/2002	D15QTDN2	19	19	19	2.89	82	Khá			8,053,000	
523	20810720053	Nguyễn Anh	Tùng	21/10/2002	D15QTDLKS	18	18	18	2.89	84	Khá			7,622,000	
524	20810710176	Nguyễn Quỳnh	Anh	13/04/2002	D15QTDN1	19	19	19	2.79	88	Khá			8,053,000	
525	20810710210	Lê Thị	Thúy	09/03/2002	D15QTDLKS	18	18	18	2.78	83	Khá			7,622,000	
526	20810710153	Nguyễn Thị Hải	Linh	08/10/2002	D15QTDN2	19	19	19	2.74	83	Khá			8,053,000	
527	20810720023	Nguyễn Tuấn	Tú	18/11/2002	D15QTDLKS	18	18	18	2.72	85	Khá			7,622,000	
528	20810710258	Trần Hùng	Anh	15/11/2002	D15QTDN5	19	19	19	2.71	88	Khá			8,053,000	
529	20810710266	Lê Thị Phương	Thảo	20/11/2002	D15QTDN3	19	19	19	2.71	74	Khá			8,053,000	
530	20810710126	Vũ Thị Linh	Nhâm	05/06/2002	D15QTDN2	19	19	19	2.66	90	Khá			8,053,000	
531	20810820120	Vũ Thị Thanh	Tuyền	27/11/2002	D15TCDN2	18	18	18	3.78	89	Giỏi			8,384,200	
532	20810820069	Trần Thị Minh	Anh	29/06/2002	D15TCDN1	18	18	18	3.36	89	Giỏi			8,384,200	
533	20810820083	Nguyễn Văn	Doanh	11/07/2002	D15NGANHAN G	18	18	18	3.28	82	Giỏi			8,384,200	
534	20810820066	Đào Thu	Mai	20/03/2002	D15TCDN1	18	18	18	3.28	89	Giỏi			8,384,200	
535	20810820036	Giáp Thị	Dung	01/03/2002	D15TCDN1	18	18	18	3.25	88	Giỏi			8,384,200	
536	20810820053	Nguyễn Đình Duy	Minh	20/09/2002	D15TCDN1	18	18	18	3.19	89	Khá			7,622,000	

TT	Mã sinh viên	Họ và	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Tổng tín chỉ đăng ký trong kỳ	Số TC đăng ký mới	Số TC điều kiện	Điểm TB hệ 4	TC phụ số 5.1 - Điểm rèn luyện	Xếp loại HB	TC phụ số 5.2- Điểm thi tuyển (dành cho khối D17)	TC phụ số 5.3- Điểm TBCTL	Mức tiền được hưởng sinh viên (ĐVT: VNĐ)	Ghi chú
537	20810820081	Nguyễn Quang Gia	Tường	28/10/2002	D15NGANHAN G	18	18	18	3.14	83	Khá			7,622,000	
538	20810820096	Doãn Hà	Ngọc	02/03/2002	D15NGANHAN G	18	18	18	3.14	84	Khá			7,622,000	
539	20810820064	Nguyễn Minh	Thông	15/01/2002	D15TCDN1	18	18	18	3.08	90	Khá			7,622,000	
540	20810820074	Đoàn Hải	Long	31/10/2002	D15TCDN1	18	18	18	3	86	Khá		3.10	7,622,000	
541	20810000115	Vũ Hồng	Thắm	19/08/2002	D15KDTMTT2	18	18	18	3.67	95	Xuất sắc			8,738,400	
542	20810000130	Đỗ Thị	Linh	06/10/2002	D15KDTMTT1	18	18	18	3.03	78	Khá			7,282,000	
543	20810000117	Kiều Lan	Anh	01/10/2002	D15KDTMTT1	18	18	18	3	84	Khá			7,486,000	
544	20810000344	Ngô Thanh	Hoài	13/09/2002	D15KDTMTT2	18	18	18	2.89	91	Khá			7,486,000	
545	20810000019	Hà Thị Mai	Chi	30/11/2002	D15KDTMTT1	18	18	18	2.89	86	Khá			7,486,000	
546	20810000108	Lê Thị Vân	Anh	24/12/2002	D15KDTMTT2	18	18	18	2.83	82	Khá			7,486,000	
547	20810000085	Dương Thị	Duyên	09/08/2002	D15KDTMTT2	18	18	18	2.81	95	Khá			7,486,000	
548	20810000162	Đỗ Thị Thu	Hà	03/12/2002	D15KDTMTT2	18	18	18	2.81	89	Khá		2.96	7,486,000	
549	21810620030	Nguyễn Văn	Đông	11/06/2003	D16CODY1	18	18	18	3.28	89	Giỏi			8,243,400	
550	21810620384	Hoàng Mạnh	Sơn	10/07/2003	D16CODY1	18	18	18	3.25	84	Giỏi			8,243,400	
551	21810620379	Trần Văn	Chiến	05/02/2003	D16CODY3	18	18	18	3.14	88	Khá			7,494,000	
552	21810620373	Nguyễn Văn	Doanh	20/10/2003	D16CODY3	18	18	18	3.08	85	Khá			7,494,000	
553	21810620448	Nguyễn Như	Hân	18/11/2003	D16CODY3	18	18	18	3.08	85	Khá			7,494,000	
554	21810620017	Nguyễn Văn	Cường	06/06/2003	D16CODY1	18	18	18	3	87	Khá			7,494,000	
555	21810620430	Nguyễn Danh	Đạt	20/10/2003	D16CODY3	18	18	18	2.97	85	Khá			7,494,000	
556	21810620081	Trần Như	Giang	21/03/2003	D16CODY3	18	18	18	2.92	85	Khá			7,494,000	

TT	Mã sinh viên	Họ và	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Tổng tín chỉ đăng ký trong kỳ	Số TC đăng ký mới	Số TC điều kiện	Điểm TB hệ 4	TC phụ số 5.1 - Điểm rèn luyện	Xếp loại HB	TC phụ số 5.2- Điểm thi tuyển (dành cho khối D17)	TC phụ số 5.3- Điểm TBCTL	Mức tiền được hưởng sinh viên (ĐVT: VNĐ)	Ghi chú
557	21810620078	Nguyễn Duy	Hùng	10/09/2003	D16CODY3	18	18	18	2.92	85	Khá			7,494,000	
558	21810620028	Hoàng Đại	Dương	18/02/2003	D16CODY1	18	18	18	2.89	90	Khá			7,494,000	
559	21810620550	Dương Thế	Son	27/05/2003	D16CODY5	18	18	18	2.81	79	Khá			7,494,000	
560	21810620392	Đỗ Khải	Linh	14/01/2003	D16CODY1	18	18	18	2.72	86	Khá			7,494,000	
561	21810620046	Nguyễn Tuấn	Kiệt	17/12/2003	D16CODY2	18	18	18	2.69	79	Khá			7,494,000	
562	21810620585	Nguyễn Văn	Son	02/09/2003	D16CODY5	18	18	18	2.69	79	Khá			7,494,000	
563	21810620505	Nguyễn Minh	Hiếu	08/06/2003	D16CODY4	18	18	18	2.67	88	Khá			7,494,000	
564	21810620082	Nguyễn Hoàng	Tuấn	10/09/2003	D16CODY3	18	18	18	2.64	85	Khá			7,494,000	
565	21810620482	Phạm Xuân	Mỹ	18/03/2003	D16CODY4	21	18	18	2.62	85	Khá			8,583,000	
566	21810620436	Nguyễn Khánh	Toàn	29/01/2003	D16CODY3	18	18	18	2.61	86	Khá			7,494,000	
567	21810620035	Đỗ Anh	Đức	25/07/2003	D16CODY1	18	18	18	2.53	88	Khá			7,494,000	
568	21810620514	Nguyễn Văn	Giáp	17/02/2003	D16CODY4	18	18	18	2.53	89	Khá			7,494,000	
569	21810620023	Bì Văn	Đặng	15/10/2003	D16CODY1	18	18	18	2.5	89	Khá			7,494,000	
570	21810610398	Vương Xuân	Thắng	03/11/2003	D16CKCTM	18	18	18	2.92	83	Khá			7,494,000	
571	21810610379	Nguyễn Văn	Long	15/09/2003	D16CKCTM	18	18	18	2.69	92	Khá			7,494,000	
572	21810630352	Đinh Văn	Quyền	17/03/2003	D16XDCTD	14	14	14	2.57	85	Khá			6,682,000	
573	21810510031	Phạm Thị	Hường	27/05/2003	D16DTVT1	16	16	16	3.88	90	Xuất sắc			8,313,600	
574	21810510511	Dương Đức	Tú	27/03/2003	D16DTVT2	16	16	16	3.44	83	Giỏi			7,620,800	
575	21810570436	Đỗ Nhật	Linh	01/01/2003	D16MVT&MT	16	16	16	3.41	85	Giỏi			7,620,800	
576	21810540484	Mạc Anh	Khiêm	04/07/2003	D16DT&KTMT 2	16	16	16	3.25	83	Giỏi			7,620,800	

TT	Mã sinh viên	Họ và	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Tổng tín chỉ đăng ký trong kỳ	Số TC đăng ký mới	Số TC điều kiện	Điểm TB hệ 4	TC phụ số 5.1 - Điểm rèn luyện	Xếp loại HB	TC phụ số 5.2- Điểm thi tuyển (dành cho khối D17)	TC phụ số 5.3- Điểm TBCTL	Mức tiền được hưởng sinh viên (ĐVT: VNĐ)	Ghi chú
577	21810560491	Kiều Hữu Khánh	Dương	26/03/2003	D16HTTM&IOT	16	16	16	3.19	89	Khá			6,928,000	
578	21810520508	Hoàng Thu	Thủy	27/03/2003	D16KTD	16	16	16	3.16	86	Khá			6,928,000	
579	21810510033	Đỗ Mạnh	Hà	14/11/2003	D16DT&KTMT 1	16	16	16	3.13	88	Khá			6,928,000	
580	21810510416	Phạm Bá	Quý	06/02/2003	D16DTVT2	16	16	16	3.13	84	Khá			6,928,000	
581	21810510093	Cao Văn	Đức	08/06/2003	D16MVT&MT	16	16	16	3.13	82	Khá			6,928,000	
582	21810540470	Nguyễn Hữu	Đạt	17/07/2003	D16DT&KTMT 2	16	16	16	3.06	89	Khá			6,928,000	
583	21810570430	Nguyễn Hoàng Khánh	Minh	02/09/2003	D16MVT&MT	16	16	16	3.06	83	Khá			6,928,000	
584	21810510473	Nguyễn Hoàng	Đại	05/11/2003	D16DTVT2	16	16	16	3	80	Khá			6,928,000	
585	21810510069	Nguyễn Huy	Tuấn	01/04/2003	D16KTD	16	16	16	3	80	Khá			6,928,000	
586	21810510062	Nguyễn Trường	Sơn	17/09/2003	D16MVT&MT	16	16	16	2.91	91	Khá			6,928,000	
587	21810510447	Bùi Quang	Minh	26/07/2003	D16DTVT2	16	16	16	2.84	83	Khá			6,928,000	
588	21810510036	Đinh Tiến	Hưng	29/12/2003	D16DTVT1	16	16	16	2.81	81	Khá			6,928,000	
589	21810510086	Đỗ Thành	Nam	02/09/2003	D16DTVT1	16	16	16	2.78	93	Khá			6,928,000	
590	21810510016	Nguyễn Đăng Thế	Vinh	19/11/2003	D16DTVT1	16	16	16	2.75	81	Khá			6,928,000	
591	21810510369	Nguyễn Minh	Quang	29/11/2003	D16DTVT1	16	16	16	2.75	85	Khá			6,928,000	
592	21810570486	Lê Văn	Mạnh	13/02/2003	D16MVT&MT	16	16	16	2.75	82	Khá			6,928,000	
593	21810180249	Đỗ Mạnh	Huy	03/06/2003	D16DCN&DD1	16	16	16	3.63	87	Giỏi			8,148,800	
594	21810110178	Phan Lê	Hoàn	09/04/2003	D16TDHHTD2	16	16	16	3.56	87	Giỏi			8,148,800	
595	21810170296	Nguyễn Như	Huỳnh	18/10/2002	D16TDHHTD2	16	16	16	3.5	91	Giỏi			8,148,800	
596	21810170340	Lê Minh	Sang	06/07/2003	D16TDHHTD2	16	16	16	3.44	89	Giỏi			8,148,800	

TT	Mã sinh viên	Họ và	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Tổng tín chỉ đăng ký trong kỳ	Số TC đăng ký mới	Số TC điều kiện	Điểm TB hệ 4	TC phụ số 5.1 - Điểm rèn luyện	Xếp loại HB	TC phụ số 5.2- Điểm thi tuyển (dành cho khối D17)	TC phụ số 5.3- Điểm TBCTL	Mức tiền được hưởng sinh viên (ĐVT: VNĐ)	Ghi chú
597	21810110261	Vũ Đức	Anh	07/10/2003	D16H2	16	16	16	3.38	89	Giỏi			8,148,800	
598	21810110005	Nguyễn Văn	Vương	28/09/2003	D16H1	16	16	16	3.31	93	Giỏi			8,148,800	
599	21810110007	Nguyễn Quang	Trọng	28/11/2003	D16H1	16	16	16	3.31	94	Giỏi			8,148,800	
600	21810110548	Hoàng Trọng	Đại	02/12/2003	D16H4	16	16	16	3.31	83	Giỏi			8,148,800	
601	21810110143	Đinh Đức	Cường	05/05/2003	D16TDHHTD2	16	16	16	3.25	89	Giỏi			8,148,800	
602	21810170466	Nguyễn Tri	Linh	04/03/2003	D16TDHHTD3	16	16	16	3.25	87	Giỏi			8,148,800	
603	21810110193	Trần Văn	Thiện	27/10/2003	D16DCN&DD2	16	16	16	3.19	83	Khá			7,408,000	
604	21810110003	Nguyễn Trúc	Linh	12/11/2003	D16H1	16	16	16	3.19	89	Khá			7,408,000	
605	21810110026	Lưu Xuân	Huy	13/09/2002	D16H1	16	16	16	3.19	85	Khá			7,408,000	
606	21810170218	Chu Hoàng	Anh	26/11/2000	D16TDHHTD1	16	16	16	3.19	85	Khá			7,408,000	
607	21810110191	Lê Tuấn	Anh	17/06/2003	D16TDHHTD2	16	16	16	3.19	84	Khá			7,408,000	
608	21810110204	Nguyễn Văn	Quang	17/11/2003	D16DCN&DD2	16	16	16	3.13	68	Khá			7,408,000	
609	21810110085	Nguyễn Đức	Mạnh	31/01/2003	D16H1	16	16	16	3.13	89	Khá			7,408,000	
610	21810110069	Mai Thị Bảo	Ngọc	05/01/2003	D16TDHHTD1	16	16	16	3.13	82	Khá			7,408,000	
611	21810170372	Trịnh Châu	Giang	28/10/2003	D16TDHHTD2	16	16	16	3.13	90	Khá			7,408,000	
612	21810170418	Nguyễn Văn	Lộc	21/09/2003	D16TDHHTD3	16	16	16	3.13	90	Khá			7,408,000	
613	21810110125	Lê Văn	Linh	10/01/2003	D16DCN&DD1	16	16	16	3.06	89	Khá			7,408,000	
614	21810180503	Đào Ngọc	Đức	20/02/2003	D16DCN&DD2	16	16	16	3.06	88	Khá			7,408,000	
615	21810180415	Phạm Văn	Chiến	02/04/2003	D16DCN&DD2	16	16	16	3.06	86	Khá			7,408,000	
616	21810170515	Lê Thế	Nam	12/10/2003	D16TDHHTD3	16	16	16	3.06	88	Khá			7,408,000	

TT	Mã sinh viên	Họ và	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Tổng tín chỉ đăng ký trong kỳ	Số TC đăng ký mới	Số TC điều kiện	Điểm TB hệ 4	TC phụ số 5.1 - Điểm rèn luyện	Xếp loại HB	TC phụ số 5.2- Điểm thi tuyển (dành cho khối D17)	TC phụ số 5.3- Điểm TBCTL	Mức tiền được hưởng sinh viên (ĐVT: VNĐ)	Ghi chú
617	21810110019	Trần Quốc	Toàn	02/03/2003	D16DCN&DD1	16	16	16	3	91	Khá			7,408,000	
618	21810110018	Nguyễn Thành	Đạt	16/07/2003	D16H1	16	16	16	3	92	Khá			7,408,000	
619	21810110015	Nguyễn Đỗ Huyền	Trang	08/10/2003	D16H1	16	16	16	3	89	Khá			7,408,000	
620	21810170311	Lương Đức	Lộc	25/10/2003	D16TDHHTD2	16	16	16	3	88	Khá			7,408,000	
621	21810110161	Phạm Minh	Hiếu	04/11/2003	D16TDHHTD2	16	16	16	3	88	Khá			7,408,000	
622	21810170502	Thân Thị Hải	Yến	07/02/2003	D16TDHHTD3	16	16	16	3	85	Khá			7,408,000	
623	21810180550	Trần Hải	Nam	07/12/2003	D16DCN&DD1	16	16	16	2.94	84	Khá			7,408,000	
624	21810180214	Đỗ Mạnh	Quý	21/08/2003	D16DCN&DD2	16	16	16	2.94	85	Khá			7,408,000	
625	21810110098	Phạm Mai Minh	Phương	21/11/2003	D16H1	16	16	16	2.94	84	Khá			7,408,000	
626	21810110464	Nguyễn Chu Gia	Bảo	07/05/2003	D16H4	16	16	16	2.94	85	Khá			7,408,000	
627	21810170426	Dương Ngọc	Tú	29/10/2003	D16TDHHTD3	16	16	16	2.94	88	Khá			7,408,000	
628	21810180433	Nguyễn Văn	Hường	10/08/2003	D16DCN&DD2	16	16	16	2.88	87	Khá			7,408,000	
629	21810180506	Nguyễn Quang	Huy	30/08/2003	D16DCN&DD2	16	16	16	2.88	85	Khá			7,408,000	
630	21810170439	Phạm Quang	Vũ	07/07/2002	D16TDHHTD3	16	16	16	2.88	88	Khá			7,408,000	
631	21810180451	Đoàn Việt	Hưng	28/09/2003	D16DCN&DD2	16	16	16	2.81	85	Khá			7,408,000	
632	21810110482	Đặng Gia	Bảo	17/07/2003	D16H4	16	16	16	2.81	83	Khá			7,408,000	
633	21810170440	Hồ Nghĩa	Hoàng	02/11/2003	D16TDHHTD3	16	16	16	2.81	84	Khá			7,408,000	
634	21810170507	Ngô Thị Thu	Uyên	13/07/2003	D16TDHHTD3	16	16	16	2.81	91	Khá			7,408,000	
635	21810430612	Lê Thái	Dương	25/11/2003	D16TDH&DKT BCN5	18	18	18	3.69	92	Xuất sắc			10,336,800	
636	21810430689	Nguyễn Minh	Đức	10/10/2003	D16TDH&DKT BCN5	18	18	18	3.64	93	Xuất sắc			10,336,800	

TT	Mã sinh viên	Họ và	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Tổng tín chỉ đăng ký trong kỳ	Số TC đăng ký mới	Số TC điều kiện	Điểm TB hệ 4	TC phụ số 5.1 - Điểm rèn luyện	Xếp loại HB	TC phụ số 5.2- Điểm thi tuyển (dành cho khối D17)	TC phụ số 5.3- Điểm TBCTL	Mức tiền được hưởng sinh viên (ĐVT: VNĐ)	Ghi chú
637	21810430680	Nguyễn Việt	Anh	04/06/2003	D16TDH&DKT BCN5	18	18	18	3.44	91	Giỏi			9,475,400	
638	21810410060	Trần Quang	Trường	09/03/2003	D16TDH&DKT BCN1	18	18	18	3.36	88	Giỏi			9,475,400	
639	21810440627	Hồ Sỹ	Việt	22/07/2003	D16THDK&TD H2	19	19	19	3.34	92	Giỏi			9,522,700	
640	21810440632	Nguyễn Tiến	Đạt	12/06/2003	D16THDK&TD H2	22	19	19	3.05	83	Khá			9,746,000	
641	21810440669	Nguyễn Anh	Đức	18/10/2003	D16THDK&TD H2	19	19	19	3.05	84	Khá			8,657,000	
642	21810410145	Lê Đình	Việt	15/06/2003	D16CNKTDK1	18	18	18	3	88	Khá			8,614,000	
643	21810410018	Nguyễn Văn	Khang	17/05/2003	D16THDK&TD H1	19	19	19	3	90	Khá			8,657,000	
644	21810440600	Trần Trung	Nguyên	10/03/2003	D16THDK&TD H2	19	19	19	2.95	85	Khá			8,657,000	
645	21810430666	Lê Khánh	Dương	23/05/2003	D16TDH&DKT BCN5	18	18	18	2.94	90	Khá			8,614,000	
646	21810410665	Nguyễn Tiến	Sơn	01/07/2003	D16TDH&DKT BCN3	18	18	18	2.89	85	Khá			8,614,000	
647	21810410090	Trần Vũ Phương	Nam	15/01/2003	D16THDK&TD H2	19	19	19	2.89	81	Khá			8,657,000	
648	21810430471	Lại Đức	Tâm	02/03/2003	D16TDH&DKT BCN3	18	18	18	2.88	87	Khá			8,614,000	
649	21810430704	Lê Văn	Vinh	05/10/2003	D16TDH&DKT BCN5	18	18	18	2.81	81	Khá			8,614,000	
650	21810430493	Phạm Trọng	Hiếu	30/08/2002	D16TDH&DKT BCN3	18	18	18	2.78	83	Khá			8,614,000	
651	21810430685	Nguyễn Văn	Quang	06/01/2003	D16TDH&DKT BCN5	18	18	18	2.75	80	Khá			8,614,000	
652	21810430690	Nguyễn Văn	Ninh	09/10/2003	D16TDH&DKT BCN5	18	18	18	2.72	88	Khá			8,614,000	
653	21810410155	Lê Thành	Nam	01/08/2003	D16TDH&DKT BCN2	18	18	18	2.61	86	Khá			8,614,000	
654	21810430723	Phạm Huy	Đại	10/11/2003	D16TDH&DKT BCN4	18	18	18	2.61	87	Khá			8,614,000	
655	21810440728	Hoa Anh Trung	Dũng	15/04/2003	D16THDK&TD H2	19	19	19	2.61	84	Khá			8,657,000	
656	21810430487	Nguyễn Minh	Trí	21/08/2003	D16TDH&DKT BCN3	18	18	18	2.58	84	Khá			8,614,000	

TT	Mã sinh viên	Họ và	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Tổng tín chỉ đăng ký trong kỳ	Số TC đăng ký mới	Số TC điều kiện	Điểm TB hệ 4	TC phụ số 5.1 - Điểm rèn luyện	Xếp loại HB	TC phụ số 5.2- Điểm thi tuyển (dành cho khối D17)	TC phụ số 5.3- Điểm TBCTL	Mức tiền được hưởng sinh viên (ĐVT: VNĐ)	Ghi chú
657	21810440635	Vũ Mạnh	Thắng	15/09/2003	D16THDK&TD H2	19	19	19	2.58	80	Khá			8,657,000	
658	21810430530	Nguyễn Đức	Tuấn	20/04/2003	D16TDH&DKT BCN4	18	18	18	2.56	80	Khá			8,614,000	
659	21810430622	Vũ Tiến	Trung	17/12/2003	D16TDH&DKT BCN5	18	18	18	2.56	88	Khá			8,614,000	
660	21810430686	Nguyễn Quốc	Bảo	23/01/2003	D16TDH&DKT BCN5	18	18	18	2.53	88	Khá			8,614,000	
661	21810410712	Đình Chí	Toàn	22/07/2003	D16CNKTDK2	18	18	18	2.5	81	Khá			8,614,000	
662	21810440727	Nguyễn Thế	Bảo	17/05/2003	D16THDK&TD H1	19	19	19	2.5	82	Khá			8,657,000	
663	21819140271	Nguyễn Khánh	Linh	01/12/2003	D16QLMTCN	16	16	16	3.06	88	Khá			7,384,000	
664	21819100002	Trần Tiến	Đạt	19/10/2003	D16NLTT	16	16	16	2.75	96	Khá			7,408,000	
665	21810310613	Nguyễn Thị Trà	Giang	11/05/2003	D16CNPM7	18	18	18	3.89	90	Xuất sắc			9,376,800	
666	21810310371	Nguyễn Thị	Trang	24/08/2003	D16CNPM2	18	18	18	3.75	94	Xuất sắc			9,376,800	
667	21810310133	Trần Phương	Anh	22/06/2003	D16HTTMDT	18	18	18	3.72	90	Xuất sắc			9,376,800	
668	21810310007	Nguyễn Quốc	Việt	08/11/2003	D16QTANM	18	18	18	3.72	90	Xuất sắc			9,376,800	
669	21810310020	Đình Thị	Hải	13/09/2003	D16HTTMDT	18	18	18	3.67	91	Xuất sắc			9,376,800	
670	21810310034	Nguyễn Công	Huy	07/12/2003	D16TTNT&TG MT	18	18	18	3.67	90	Xuất sắc			9,376,800	
671	21810310136	Đỗ Thị Ánh	Huyền	30/11/2003	D16CNPM4	18	18	18	3.61	91	Xuất sắc			9,376,800	
672	21810340427	Vũ Vương	Lâm	18/09/2003	D16HTTMDT	18	18	18	3.61	91	Xuất sắc			9,376,800	
673	21810310144	Phạm Thị Thu	Hoài	02/12/2003	D16CNPM5	18	18	18	3.94	84	Giỏi			8,595,400	
674	21810310070	Nguyễn Thị Thu	Huyền	29/04/2003	D16CNPM1	18	18	18	3.89	89	Giỏi			8,595,400	
675	21810310370	Lý Văn	Chuyển	03/01/2003	D16CNPM2	18	18	18	3.89	89	Giỏi			8,595,400	
676	21810310453	Hồ Thị	Nhung	05/03/2003	D16CNPM4	18	18	18	3.89	81	Giỏi			8,595,400	

TT	Mã sinh viên	Họ và	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Tổng tín chỉ đăng ký trong kỳ	Số TC đăng ký mới	Số TC điều kiện	Điểm TB hệ 4	TC phụ số 5.1 - Điểm rèn luyện	Xếp loại HB	TC phụ số 5.2- Điểm thi tuyển (dành cho khối D17)	TC phụ số 5.3- Điểm TBCTL	Mức tiền được hưởng sinh viên (ĐVT: VNĐ)	Ghi chú
677	21810310530	Nguyễn Phương	Thảo	26/05/2003	D16CNPM5	18	18	18	3.89	83	Giỏi			8,595,400	
678	21810340607	Ngô Thị Quỳnh	Mai	15/09/2003	D16HTTMDT	18	18	18	3.89	86	Giỏi			8,595,400	
679	21810310512	Mai Đình	Đạt	20/05/2003	D16CNPM5	18	18	18	3.83	84	Giỏi			8,595,400	
680	21810310141	Lương Thùy	Dung	18/03/2003	D16CNPM5	18	18	18	3.83	83	Giỏi			8,595,400	
681	21810310185	Lê Mạnh	Trường	13/11/2003	D16CNPM6	18	18	18	3.83	80	Giỏi			8,595,400	
682	21810310565	Lã Tiến	Anh	13/12/2003	D16CNPM6	18	18	18	3.83	81	Giỏi			8,595,400	
683	21810310193	Vũ Thị Hoài	Thu	03/10/2003	D16CNPM7	18	18	18	3.83	87	Giỏi			8,595,400	
684	21810310609	Nguyễn Văn	Tùng	12/03/2003	D16CNPM7	18	18	18	3.83	83	Giỏi			8,595,400	
685	21810340581	Nguyễn Thị Phương	Anh	16/05/2003	D16HTTMDT	18	18	18	3.83	87	Giỏi			8,595,400	
686	21810310031	Ngô Minh	Hiếu	22/05/2003	D16TTNT&TG MT	18	18	18	3.83	84	Giỏi			8,595,400	
687	21810310394	Trần Thanh	Ngân	16/09/2003	D16CNPM2	18	18	18	3.78	82	Giỏi			8,595,400	
688	21810310448	Nguyễn Quốc	Việt	12/12/2003	D16CNPM3	18	18	18	3.78	84	Giỏi			8,595,400	
689	21810310150	Lê Thị	Trà	25/10/2003	D16CNPM5	18	18	18	3.78	84	Giỏi			8,595,400	
690	21810310174	Vũ Thị	Huyền	28/05/2003	D16HTTMDT	18	18	18	3.78	88	Giỏi			8,595,400	
691	21810310042	Nguyễn Hữu Việt	Anh	13/02/2003	D16QTANM	18	18	18	3.78	87	Giỏi			8,595,400	
692	21810310146	Lương Thị Xuân	Mai	26/12/2003	D16CNPM5	18	18	18	3.72	88	Giỏi			8,595,400	
693	21810310439	Nguyễn Văn	Phúc	03/06/2003	D16CNPM5	18	18	18	3.72	84	Giỏi			8,595,400	
694	21810310560	Vũ Đức	Thắng	14/10/2003	D16CNPM6	18	18	18	3.72	80	Giỏi			8,595,400	
695	21810350375	Hoàng Văn	Đông	26/08/2003	D16TTNT&TG MT	18	18	18	3.72	84	Giỏi			8,595,400	
696	21810310178	Đặng Đình Việt	Anh	11/08/2003	D16QTANM	18	18	18	3.69	85	Giỏi			8,595,400	

TT	Mã sinh viên	Họ và	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Tổng tín chỉ đăng ký trong kỳ	Số TC đăng ký mới	Số TC điều kiện	Điểm TB hệ 4	TC phụ số 5.1 - Điểm rèn luyện	Xếp loại HB	TC phụ số 5.2- Điểm thi tuyển (dành cho khối D17)	TC phụ số 5.3- Điểm TBCTL	Mức tiền được hưởng sinh viên (ĐVT: VNĐ)	Ghi chú
697	21810310183	Nguyễn Tường	Vy	07/08/2003	D16CNPM6	18	18	18	3.67	88	Giỏi			8,595,400	
698	21810310014	Nguyễn Thị Phương	Thảo	21/07/2003	D16CNPM1	18	18	18	3.67	87	Giỏi			8,595,400	
699	21810310134	Trần Mai	Anh	22/06/2003	D16HTTMDT	18	18	18	3.67	87	Giỏi			8,595,400	
700	21810810234	Nguyễn Thị Mai	Hương	28/10/2003	D16KTDN4	17	17	17	3.76	96	Xuất sắc			8,797,200	
701	21810810298	Võ Thị	Thúy	09/03/2003	D16KTDN5	17	17	17	3.71	90	Xuất sắc			8,797,200	
702	21810810227	Trần Thu	Trang	26/03/2003	D16KTDN4	17	17	17	3.79	86	Giỏi			8,064,100	
703	21810810132	Nguyễn Thảo	Ngân	01/03/2003	D16KTDN2	17	17	17	3.65	87	Giỏi			8,064,100	
704	21810810229	Vũ Thị Ngọc	Ánh	09/09/2003	D16KTDN4	17	17	17	3.65	88	Giỏi			8,064,100	
705	21810810042	Trần Thị Kim	Duyên	13/11/2003	D16KTDN1	17	17	17	3.53	87	Giỏi			8,064,100	
706	21810810041	Nguyễn Thị Thu	Ngân	07/12/2003	D16KTDN1	17	17	17	3.53	84	Giỏi			8,064,100	
707	21810830235	Dương Thị Thu	Trang	03/11/2003	D16KT&KS	17	17	17	3.5	81	Giỏi			8,064,100	
708	21810810025	Lưu Ngọc	Ánh	30/09/2003	D16KTDN1	17	17	17	3.41	85	Giỏi			8,064,100	
709	21810810040	Đào Thị Thanh	Huyền	28/10/2003	D16KTDN1	17	17	17	3.41	85	Giỏi			8,064,100	
710	21810810176	Đỗ Thị Bảo	Yến	18/02/2003	D16KTDN3	17	17	17	3.41	92	Giỏi			8,064,100	
711	21810810159	Trần Văn	Anh	30/07/2003	D16KTDN3	17	17	17	3.41	86	Giỏi			8,064,100	
712	21810810224	Đặng Mai	Phương	06/01/2003	D16KTDN4	17	17	17	3.41	83	Giỏi			8,064,100	
713	21810810131	Nguyễn Thu	Giang	21/05/2003	D16KTDN2	17	17	17	3.38	85	Giỏi			8,064,100	
714	21810810133	Đỗ Nhật	Linh	19/07/2003	D16KTDN2	17	17	17	3.38	92	Giỏi			8,064,100	
715	21810810165	Nguyễn Thị Thu	Hằng	13/12/2003	D16KTDN3	17	17	17	3.38	89	Giỏi			8,064,100	
716	21810810272	Trần Thị	Ngân	04/03/2003	D16KTDN5	17	17	17	3.38	89	Giỏi			8,064,100	

TT	Mã sinh viên	Họ và	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Tổng tín chỉ đăng ký trong kỳ	Số TC đăng ký mới	Số TC điều kiện	Điểm TB hệ 4	TC phụ số 5.1 - Điểm rèn luyện	Xếp loại HB	TC phụ số 5.2- Điểm thi tuyển (dành cho khối D17)	TC phụ số 5.3- Điểm TBCTL	Mức tiền được hưởng sinh viên (ĐVT: VNĐ)	Ghi chú
717	21810830233	Nguyễn Thị	Linh	29/10/2002	D16KT&KS	17	17	17	3.35	90	Giỏi			8,064,100	
718	21810810043	Nguyễn Minh Ánh	Dương	05/02/2003	D16KTDN1	17	17	17	3.35	88	Giỏi			8,064,100	
719	21810810184	Vũ Thị Thu	Hà	21/07/2002	D16KTDN3	17	17	17	3.35	89	Giỏi			8,064,100	
720	21810810065	Lê Minh	Thư	20/09/2003	D16KTDN1	17	17	17	3.29	91	Giỏi			8,064,100	
721	21810810191	Nguyễn Thị Kiều	Trình	19/08/2003	D16KTDN3	17	17	17	3.29	89	Giỏi			8,064,100	
722	21810810182	Lê Thanh	Nhân	10/11/2003	D16KTDN3	17	17	17	3.29	89	Giỏi			8,064,100	
723	21810850202	Phạm Thị Ngọc	Anh	15/10/2003	D16KIEMTOA N	17	17	17	3.53	84	Giỏi			8,064,100	
724	21810850210	Đinh Thị Phương	Thư	14/07/2003	D16KIEMTOA N	17	17	17	3.29	85	Giỏi			8,064,100	
725	21810850205	Nguyễn Thị Minh	Đức	29/04/2003	D16KIEMTOA N	17	17	17	3.26	89	Giỏi			8,064,100	
726	21810850389	Nguyễn Minh	Xuân	02/01/2003	D16KIEMTOA N	17	17	17	3.24	89	Giỏi			8,064,100	
727	21819120163	Phùng	Hưng	25/01/2001	D16DIENLANH 2	16	16	16	2.81	76	Khá			7,728,000	
728	21819110164	Nguyễn Văn	Hoàng	24/05/2003	D16NHIEDIE N	16	16	16	2.63	83	Khá			7,728,000	
729	21810230497	Dương Thị Vân	Anh	15/10/2003	D16LOGISTICS 2	16	16	16	3.94	92	Xuất sắc			8,500,800	
730	21810230459	Nguyễn Quang	Minh	24/08/2003	D16LOGISTICS 3	16	16	16	3.69	93	Xuất sắc			8,500,800	
731	21810230019	Mai Văn	Điện	26/03/2000	D16LOGISTICS 1	16	16	16	3.88	86	Giỏi			7,792,400	
732	21810230061	Đào Thị Hồng	Nhung	26/08/2003	D16LOGISTICS 2	16	16	16	3.81	87	Giỏi			7,792,400	
733	21810230029	Thái Thị	Trang	10/08/2001	D16LOGISTICS 1	16	16	16	3.75	83	Giỏi			7,792,400	
734	21810230387	Trần Lý Tùng	Sơn	11/08/2003	D16LOGISTICS 2	16	16	16	3.75	82	Giỏi			7,792,400	
735	21810230059	Vương Thị Hà	Anh	04/11/2003	D16LOGISTICS 2	16	16	16	3.72	83	Giỏi			7,792,400	
736	21810230464	Võ Thu	Hiền	05/07/2003	D16LOGISTICS 3	16	16	16	3.63	88	Giỏi			7,792,400	

TT	Mã sinh viên	Họ và	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Tổng tín chỉ đăng ký trong kỳ	Số TC đăng ký mới	Số TC điều kiện	Điểm TB hệ 4	TC phụ số 5.1 - Điểm rèn luyện	Xếp loại HB	TC phụ số 5.2- Điểm thi tuyển (dành cho khối D17)	TC phụ số 5.3- Điểm TBCTL	Mức tiền được hưởng sinh viên (ĐVT: VNĐ)	Ghi chú
737	21810230413	Nguyễn Thị	Thoa	05/08/2003	D16LOGISTICS 2	16	16	16	3.63	84	Giỏi			7,792,400	
738	21810230399	Nguyễn Thị	Ngọc	30/08/2003	D16LOGISTICS 2	16	16	16	3.59	82	Giỏi			7,792,400	
739	21810230004	Nguyễn Thùy	Linh	01/04/2003	D16LOGISTICS 1	16	16	16	3.59	87	Giỏi			7,792,400	
740	21810230449	Trương Thị	Huyền	19/11/2003	D16LOGISTICS 3	16	16	16	3.53	88	Giỏi			7,792,400	
741	21810230484	Trần Thị	Hạnh	06/06/2003	D16LOGISTICS 3	16	16	16	3.5	98	Giỏi			7,792,400	
742	21810220003	Nguyễn Thị	Thơm	17/04/2003	D16QLSX&TN	16	16	16	3.38	94	Giỏi			8,298,400	
743	21810220463	Ngô Khánh	Linh	01/12/2003	D16QLSX&TN	16	16	16	3.22	93	Giỏi			8,298,400	
744	21810230505	Nguyễn Hồng	Nhung	05/08/2003	D16QLSX&TN	16	16	16	3.47	79	Khá			7,544,000	
745	21810230483	Đinh Thị Thanh	Huyền	20/05/2003	D16QLSX&TN	19	16	16	2.87	92	Khá			8,633,000	
746	21810260033	Nguyễn Vũ Hải	Anh	13/08/2003	D16TTDIEN	16	16	16	3.56	87	Giỏi			8,298,400	
747	21810270044	Nguyễn Thị Hoài	Thu	22/06/2003	D16KTNL	16	16	16	3.5	95	Giỏi			8,298,400	
748	21810270043	Nguyễn Thị Thanh	Thảo	03/02/2003	D16KTNL	16	16	16	3.38	90	Giỏi			8,298,400	
749	21810000399	Trần Mai	Thi	13/08/2003	D16QTDVDL& LH1	17	17	17	3.68	84	Giỏi			7,536,100	
750	21810720016	Lê Thị Anh	Đoài	18/02/2002	D16QTDVDL& LH2	17	17	17	3.68	83	Giỏi			7,536,100	
751	21810000402	Tiêu Thị	Dung	15/09/2003	D16QTDVDL& LH1	17	17	17	3.41	83	Giỏi			7,536,100	
752	21810000411	Trịnh Thị Như	Quỳnh	04/05/2003	D16QTDVDL& LH2	17	17	17	3.35	88	Giỏi			7,536,100	
753	21810000393	Nguyễn Thị Thùy	Linh	19/12/2003	D16QTDVDL& LH1	17	17	17	3.29	87	Giỏi			7,536,100	
754	21810000389	Nguyễn Thị	Lê	29/05/2003	D16QTDVDL& LH1	17	17	17	3.26	83	Giỏi			7,536,100	
755	21810710146	Dương Thị Hồng	An	29/12/2003	D16QTDN4	17	17	17	3.71	87	Giỏi			8,064,100	
756	21810710163	Nguyễn Thị Thanh	Thùy	27/03/2003	D16QTDN4	17	17	17	3.71	82	Giỏi			8,064,100	

TT	Mã sinh viên	Họ và	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Tổng tín chỉ đăng ký trong kỳ	Số TC đăng ký mới	Số TC điều kiện	Điểm TB hệ 4	TC phụ số 5.1 - Điểm rèn luyện	Xếp loại HB	TC phụ số 5.2- Điểm thi tuyển (dành cho khối D17)	TC phụ số 5.3- Điểm TBCTL	Mức tiền được hưởng sinh viên (ĐVT: VNĐ)	Ghi chú
757	21810710260	Lê Thị Thanh	Thảo	11/05/2003	D16QTDN4	17	17	17	3.62	86	Giỏi			8,064,100	
758	21810710207	Nguyễn Thị	Anh	14/11/2003	D16QTDN2	17	17	17	3.59	84	Giỏi			8,064,100	
759	21810710140	Trần Thu	Phương	31/07/2003	D16QTDN4	17	17	17	3.59	87	Giỏi			8,064,100	
760	21810720270	Trần Thị Hải	Hồng	30/07/2003	D16QTDLKS	17	17	17	3.5	82	Giỏi			8,064,100	
761	21810710211	Ngô Thị Thảo	Vân	16/11/2003	D16QTDN2	17	17	17	3.47	84	Giỏi			8,064,100	
762	21810710418	Đào Hồng	Phương	01/12/2003	D16QTDN2	17	17	17	3.47	84	Giỏi			8,064,100	
763	21810710148	Phan Thị Phương	Thảo	29/09/2003	D16QTDN4	17	17	17	3.47	88	Giỏi			8,064,100	
764	21810710277	Vũ Thị Hồng	Nhung	17/10/2003	D16QTDN4	17	17	17	3.47	86	Giỏi			8,064,100	
765	21810710034	Hà Thu	Trang	01/12/2003	D16QTDN1	17	17	17	3.41	87	Giỏi			8,064,100	
766	21810710405	Nguyễn Thị	Trang	29/09/2003	D16QTDN3	17	17	17	3.41	88	Giỏi			8,064,100	
767	21810710259	Trần Anh	Tuấn	08/11/2003	D16QTDN4	17	17	17	3.41	85	Giỏi			8,064,100	
768	21810710378	Chu Đan	Ngọc	09/08/2003	D16QTDN6	17	17	17	3.38	88	Giỏi			8,064,100	
769	21810710040	Trần Thảo	My	10/05/2003	D16QTDN1	17	17	17	3.35	93	Giỏi			8,064,100	
770	21810710088	Lê Phương	Thảo	16/03/2003	D16QTDN2	17	17	17	3.35	88	Giỏi			8,064,100	
771	21810710311	Nguyễn Thị Bích	Thùy	25/09/2002	D16QTDN5	17	17	17	3.35	85	Giỏi			8,064,100	
772	21810710389	Lương Thị Kim	Anh	27/12/2003	D16QTDN6	17	17	17	3.35	82	Giỏi			8,064,100	
773	21810710030	Dương Cương	Quyết	23/10/2003	D16QTDN1	17	17	17	3.32	83	Giỏi			8,064,100	
774	21810710279	Nguyễn Hữu	Hiếu	28/05/2003	D16QTDN5	17	17	17	3.32	86	Giỏi			8,064,100	
775	21810710252	Phạm Thùy	Trang	14/10/2003	D16QTDN4	17	17	17	3.26	87	Giỏi			8,064,100	
776	21810720376	Trần Thị	Đào	28/08/2003	D16QTDLKS	17	17	17	3.24	82	Giỏi			8,064,100	

TT	Mã sinh viên	Họ và	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Tổng tín chỉ đăng ký trong kỳ	Số TC đăng ký mới	Số TC điều kiện	Điểm TB hệ 4	TC phụ số 5.1 - Điểm rèn luyện	Xếp loại HB	TC phụ số 5.2- Điểm thi tuyển (dành cho khối D17)	TC phụ số 5.3- Điểm TBCTL	Mức tiền được hưởng sinh viên (ĐVT: VNĐ)	Ghi chú
777	21810710051	Đỗ Đức	Mạnh	30/09/2003	D16QTDN1	17	17	17	3.24	87	Giỏi			8,064,100	
778	21810710098	Hoàng Thu	Thùy	15/11/2003	D16QTDN2	17	17	17	3.24	81	Giỏi			8,064,100	
779	21810710086	Nguyễn Hoàng	Việt	13/09/2003	D16QTDN2	17	17	17	3.21	83	Giỏi			8,064,100	
780	21810710169	Vũ Thị Thanh	Trang	05/10/2003	D16QTDN5	17	17	17	3.41	77	Khá			7,331,000	
781	21810710264	Kiều Văn	Tuân	03/01/2003	D16QTDN4	17	17	17	3.26	77	Khá			7,331,000	
782	21810710143	Nguyễn Thị Thu	Hiền	20/10/2003	D16QTDN4	17	17	17	3.18	89	Khá			7,331,000	
783	21810710410	Ma Quang	Tùng	05/06/2003	D16QTDN4	17	17	17	3.15	85	Khá			7,331,000	
784	21810710362	Hoàng Ngọc	Quốc	10/12/2003	D16QTDN6	17	17	17	3.09	82	Khá			7,331,000	
785	21810710203	Trần Thị Kim	Chi	24/12/2003	D16QTDN2	17	17	17	3.06	92	Khá			7,331,000	
786	21810820266	Phạm Thị Thu	Huyền	12/12/2003	D16TCDN2	19	19	19	3.53	90	Giỏi			9,012,300	
787	21810820255	Lỗ Thị Thuý	Dung	14/02/2003	D16TCDN2	19	19	19	3.47	85	Giỏi			9,012,300	
788	21810820233	Nguyễn Hồng	Anh	05/09/2003	D16TCDN2	19	19	19	3.39	80	Giỏi			9,012,300	
789	21810820293	Nguyễn Thị	Lan	14/12/2003	D16TCDN1	19	19	19	3.37	80	Giỏi			9,012,300	
790	21810820332	Vũ Phương	Anh	27/08/2003	D16TCDN2	19	19	19	3.37	81	Giỏi			9,012,300	
791	21810820278	Đặng Thị Kim	Hoan	18/02/2003	D16TCDN2	19	19	19	3.37	80	Giỏi			9,012,300	
792	21810820301	Vương Diễm	Hương	29/11/2003	D16TCDN2	19	19	19	3.37	87	Giỏi			9,012,300	
793	21810820172	Nguyễn Thị Phương	Thảo	07/12/2003	D16TCDN1	19	19	19	3.34	83	Giỏi			9,012,300	
794	21810820281	Lê Thị	Lành	17/06/2003	D16TCDN2	19	19	19	3.34	88	Giỏi			9,012,300	
795	21810820309	Nguyễn Hồng	Ngọc	12/07/2003	D16TCDN2	19	19	19	3.34	86	Giỏi			9,012,300	
796	21810820252	Lê An	Ngân	19/09/2003	D16TCDN2	19	19	19	3.32	96	Giỏi			9,012,300	

TT	Mã sinh viên	Họ và	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Tổng tín chỉ đăng ký trong kỳ	Số TC đăng ký mới	Số TC điều kiện	Điểm TB hệ 4	TC phụ số 5.1 - Điểm rèn luyện	Xếp loại HB	TC phụ số 5.2- Điểm thi tuyển (dành cho khối D17)	TC phụ số 5.3- Điểm TBCTL	Mức tiền được hưởng sinh viên (ĐVT: VNĐ)	Ghi chú
797	21810820214	Nguyễn Hải	Long	04/11/2003	D16TCDN2	19	19	19	3.26	81	Giỏi			9,012,300	
798	21810820258	Đặng Hoàng	Yến	06/12/2003	D16TCDN2	19	19	19	3.26	89	Giỏi			9,012,300	
799	21810840091	Trần Mai	Linh	02/10/2003	D16NGANHAN G1	19	19	19	3.21	90	Giỏi			9,012,300	
800	21810820223	Nguyễn Ngọc Minh	Châu	12/12/2003	D16TCDN2	19	19	19	3.21	84	Giỏi			9,012,300	
801	21810860452	Thái An	Sang	09/05/2003	D16KDTMTT1	17	17	17	3.53	83	Giỏi			7,536,100	
802	21810860388	Hoàng Quốc	Việt	30/11/2003	D16KDTMTT2	17	17	17	3.53	87	Giỏi			7,536,100	
803	21810860392	Nguyễn Thị Trang	Loan	08/09/2003	D16KDTMTT2	17	17	17	3.44	84	Giỏi			7,536,100	
804	21810860449	Nguyễn Minh	Huy	23/12/2003	D16KDTMTT2	17	17	17	3.41	84	Giỏi			7,536,100	
805	21810860429	Nguyễn Trung	Nghĩa	12/05/2003	D16KDTMTT2	17	17	17	3.41	84	Giỏi			7,536,100	
806	21810860408	Dương Khánh	Linh	30/04/2003	D16KDTMTT2	17	17	17	3.26	83	Giỏi			7,536,100	
807	21810860426	Nguyễn Thị	Hương	09/02/2003	D16KDTMTT2	17	17	17	3.24	92	Giỏi			7,536,100	
808	21810860436	Lương Mạnh	Tú	27/10/2003	D16KDTMTT2	17	17	17	3.47	79	Khá			6,851,000	
809	21810860448	Phan Thị Tuyết	Nga	16/12/2002	D16KDTMTT1	17	17	17	3.15	85	Khá			6,851,000	
810	21810860366	Trần Thị Thanh	Thảo	14/09/2003	D16KDTMTT1	17	17	17	3.12	93	Khá			6,851,000	
811	22810620033	Kim Văn	Đạt	12/05/2004	D17CODT1	9	9	9	3.5	83	Giỏi			3,593,700	
812	22810620023	Phạm Quang Long	Vũ	22/04/2004	D17CODT1	9	9	9	3.17	89	Khá			3,267,000	
813	22810620022	Nguyễn Hoàng	Anh	20/08/2004	D17CODT1	9	9	9	3.17	85	Khá			3,267,000	
814	22810620047	Lê Đăng Việt	Anh	07/06/2004	D17CODT1	9	9	9	3	84	Khá			3,267,000	
815	22810620018	Vũ Mạnh	Sơn	15/05/2004	D17CODT1	9	9	9	2.83	86	Khá			3,267,000	
816	22810620003	Mai Anh	Dũng	20/11/2004	D17CODT1	9	9	9	2.83	82	Khá			3,267,000	

TT	Mã sinh viên	Họ và	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Tổng tín chỉ đăng ký trong kỳ	Số TC đăng ký mới	Số TC điều kiện	Điểm TB hệ 4	TC phụ số 5.1 - Điểm rèn luyện	Xếp loại HB	TC phụ số 5.2- Điểm thi tuyển (dành cho khối D17)	TC phụ số 5.3- Điểm TBCTL	Mức tiền được hưởng sinh viên (ĐVT: VNĐ)	Ghi chú
817	22810620081	Đinh Mạnh	Tùng	15/11/2004	D17CODT2	9	9	9	2.83	86	Khá			3,267,000	
818	22810680045	Lương Văn	Toán	09/03/2004	D17CKOTO	9	9	9	3.67	82	Giỏi			3,593,700	
819	22810610010	Vũ Minh	Sơn	19/01/2004	D17CKCTM	9	9	9	3.33	84	Giỏi			3,593,700	
820	22810610092	Cáp Trọng	Tiến	02/04/2004	D17CKCTM	9	9	9	3.33	80	Giỏi			3,593,700	
821	22810660012	Nguyễn Quang	Tùng	10/08/2004	D17CKCTM	9	9	9	3.33	80	Giỏi			3,593,700	
822	22810610041	Đỗ Văn	Thân	23/09/2004	D17CKCTM	9	9	9	3.17	86	Khá			3,267,000	
823	22810610029	Nguyễn Quang	Vinh	07/11/2004	D17CKCTM	9	9	9	3.17	82	Khá			3,267,000	
824	22810680031	Đào Văn	Hoàn	25/05/2004	D17CKOTO	9	9	9	3	85	Khá			3,267,000	
825	22810680008	Triệu Đức	Mạnh	01/12/2004	D17CKOTO	9	9	9	3	85	Khá			3,267,000	
826	22810640060	Đỗ Quang	Vinh	26/10/2004	D17QLDA&CT XD1	11	11	11	2.91	82	Khá			3,993,000	
827	22810640045	Lê Xuân	Tú	16/08/2004	D17QLDA&CT XD1	11	11	11	2.82	71	Khá			3,993,000	
828	22810640080	Mai Phương	Tiến	08/07/2004	D17QLDA&CT XD2	11	11	11	2.82	84	Khá			3,993,000	
829	22810670136	Dương Đức	Hoàn	31/12/2004	D17CODCT	11	11	11	2.64	84	Khá			3,993,000	
830	22810650026	Vũ Xuân	Chính	18/08/2004	D17XDDD&CN	11	11	11	2.55	85	Khá			3,993,000	
831	22810640008	Đỗ Duy	Sơn	29/01/2004	D17QLDA&CT XD1	11	11	11	2.5	80	Khá			3,993,000	
832	22810640139	Nguyễn Đức	Hoàn	22/03/2002	D17QLDA&CT XD2	11	11	11	2.5	94	Khá			3,993,000	
833	22810550156	Lê Đình	Tùng	30/11/2004	D17KTDT	11	11	11	3.68	85	Giỏi			4,392,300	
834	22810570153	Lê Văn	Dương	19/10/2004	D17DT&KTMT 1	11	11	11	3.59	83	Giỏi			4,392,300	
835	22810560150	Đào Duy	Công	11/04/2004	D17DT&KTMT 2	11	11	11	3.59	86	Giỏi			4,392,300	
836	22810550023	Nguyễn Tiến	Đạt	30/08/2004	D17KTDT	11	11	11	3.59	85	Giỏi			4,392,300	

TT	Mã sinh viên	Họ và Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Tổng tín chỉ đăng ký trong kỳ	Số TC đăng ký mới	Số TC điều kiện	Điểm TB hệ 4	TC phụ số 5.1 - Điểm rèn luyện	Xếp loại HB	TC phụ số 5.2- Điểm thi tuyển (dành cho khối D17)	TC phụ số 5.3- Điểm TBCTL	Mức tiền được hưởng sinh viên (ĐVT: VNĐ)	Ghi chú
837	22810540083	Cao Minh Tuấn	24/03/2004	D17DT&KTMT 1	11	11	11	3.55	90	Giỏi			4,392,300	
838	22810510252	Nguyễn Thành Huy	09/04/2003	D17DTV2	11	11	11	3.55	92	Giỏi			4,392,300	
839	22810550115	Nguyễn Tiến Đạt	05/04/2004	D17KTD	11	11	11	3.55	95	Giỏi			4,392,300	
840	22810540110	Nguyễn Văn Hào	16/11/2004	D17DT&KTMT 1	11	11	11	3.45	80	Giỏi			4,392,300	
841	22810570043	Trần Thị Thảo	23/10/2004	D17DT&KTMT 1	11	11	11	3.45	83	Giỏi			4,392,300	
842	22810510026	Nguyễn Hoàng Anh	03/10/2004	D17DTV1	11	11	11	3.45	86	Giỏi			4,392,300	
843	22810510235	Nguyễn Duy Nam	15/07/2004	D17DTV2	11	11	11	3.45	86	Giỏi			4,392,300	
844	22810510209	Hoàng Quang Phúc	15/05/2004	D17DTV2	11	11	11	3.45	88	Giỏi			4,392,300	
845	22810520157	Nguyễn Đức Minh	15/07/2004	D17KTD	11	11	11	3.45	81	Giỏi			4,392,300	
846	22810520219	Ngô Văn Thiết	06/12/2004	D17KTD	11	11	11	3.45	85	Giỏi			4,392,300	
847	22810540101	Đào Thanh Sơn	14/07/2003	D17DT&KTMT 1	11	11	11	3.41	80	Giỏi			4,392,300	
848	22810540094	Trịnh Hoàng Tùng	18/03/2004	D17DT&KTMT 1	11	11	11	3.36	80	Giỏi			4,392,300	
849	22810540248	Phạm Văn Hiếu	21/11/2004	D17DT&KTMT 2	11	11	11	3.32	86	Giỏi			4,392,300	
850	22810540202	Lê Hồng Tươi	10/05/2003	D17DT&KTMT 2	11	11	11	3.32	82	Giỏi			4,392,300	
851	22810510140	Kiều Anh Hải	08/01/2004	D17DTV1	11	11	11	3.32	90	Giỏi			4,392,300	
852	22810510200	Phạm Tuấn Phong	04/12/2004	D17DTV2	11	11	11	3.27	86	Giỏi			4,392,300	
853	22810520199	Nguyễn Hữu Việt	04/11/2004	D17KTD	11	11	11	3.27	81	Giỏi	24.60		4,392,300	
854	22810170352	Nguyễn Thành Trung	28/10/2004	D17TDHHTD3	11	11	11	3.73	80	Giỏi			4,392,300	
855	22810180407	Ngô Xuân Quý	15/03/2004	D17DCN&DD2	11	11	11	3.59	90	Giỏi			4,392,300	
856	22810110019	Cao Minh Khiêm	09/03/2004	D17HI	11	11	11	3.59	90	Giỏi			4,392,300	

TT	Mã sinh viên	Họ và	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Tổng tín chỉ đăng ký trong kỳ	Số TC đăng ký mới	Số TC điều kiện	Điểm TB hệ 4	TC phụ số 5.1 - Điểm rèn luyện	Xếp loại HB	TC phụ số 5.2- Điểm thi tuyển (dành cho khối D17)	TC phụ số 5.3- Điểm TBCTL	Mức tiền được hưởng sinh viên (ĐVT: VNĐ)	Ghi chú
857	22810110362	Ngô Việt	Thu	22/01/2004	D17H3	11	11	11	3.59	85	Giỏi			4,392,300	
858	22810170228	Trương Thế	Phong	27/01/2004	D17DCN&DD2	11	11	11	3.45	85	Giỏi			4,392,300	
859	22810170165	Nguyễn Hữu	Giáp	09/06/2004	D17TDHHTD2	11	11	11	3.45	88	Giỏi			4,392,300	
860	22810170257	Nguyễn Đức	Thắng	17/05/2004	D17TDHHTD2	11	11	11	3.45	86	Giỏi			4,392,300	
861	22810170292	Luyện Quang	Vinh	11/01/2004	D17TDHHTD3	11	11	11	3.45	81	Giỏi			4,392,300	
862	22810180137	Đoàn Bá	Đức	23/12/2004	D17DCN&DD1	11	11	11	3.32	94	Giỏi			4,392,300	
863	22810160094	Phạm Minh	Hưng	08/10/2004	D17DCN&DD2	11	11	11	3.32	81	Giỏi			4,392,300	
864	22810110076	Tạ Tùng	Thắng	15/03/2004	D17H1	11	11	11	3.32	88	Giỏi			4,392,300	
865	22810110095	Vũ Thành	Khôi	19/03/2004	D17H1	11	11	11	3.32	89	Giỏi			4,392,300	
866	22810170394	Nguyễn Đoàn Minh	Quân	10/12/2004	D17TDHHTD3	11	11	11	3.32	90	Giỏi			4,392,300	
867	22810180437	Lê Duy	Đạt	27/09/2004	D17DCN&DD2	11	11	11	3.27	89	Giỏi			4,392,300	
868	22810110113	Hoàng Gia	Bảo	29/10/2004	D17H1	11	11	11	3.27	85	Giỏi			4,392,300	
869	22810110258	Phan Đức	Quang	24/10/2004	D17H2	11	11	11	3.23	86	Giỏi			4,392,300	
870	22810110240	Lê Hoàng	Đức	07/03/2002	D17H2	11	11	11	3.23	84	Giỏi			4,392,300	
871	22810170443	Nguyễn Văn Toàn	Thắng	11/06/2004	D17TDHHTD3	11	11	11	3.32	79	Khá			3,993,000	
872	22810180253	Đỗ Văn	Trường	14/05/2004	D17DCN&DD1	11	11	11	3.18	87	Khá			3,993,000	
873	22810110133	Kiều Văn	Quyền	08/03/2004	D17DCN&DD1	11	11	11	3.18	87	Khá			3,993,000	
874	22810110315	Vũ Khắc	Duy	19/09/2004	D17H3	11	11	11	3.18	83	Khá			3,993,000	
875	22810110438	Nguyễn Thanh	Bình	16/07/2004	D17H3	11	11	11	3.18	90	Khá			3,993,000	
876	22810170091	Phạm Đức	Tường	06/09/2004	D17TDHHTD1	11	11	11	3.18	86	Khá			3,993,000	

TT	Mã sinh viên	Họ và	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Tổng tín chỉ đăng ký trong kỳ	Số TC đăng ký mới	Số TC điều kiện	Điểm TB hệ 4	TC phụ số 5.1 - Điểm rèn luyện	Xếp loại HB	TC phụ số 5.2- Điểm thi tuyển (dành cho khối D17)	TC phụ số 5.3- Điểm TBCTL	Mức tiền được hưởng sinh viên (ĐVT: VNĐ)	Ghi chú
877	22810170147	Nguyễn Văn	Hoàn	13/02/2004	D17TDHHTD2	11	11	11	3.18	80	Khá			3,993,000	
878	22810180400	Hoàng Trung	Hiếu	14/04/2004	D17DCN&DD2	11	11	11	3.14	82	Khá			3,993,000	
879	22810170058	Nguyễn Văn	Hùng	30/12/2004	D17TDHHTD1	11	11	11	3.14	89	Khá			3,993,000	
880	22810170115	Phạm Hồng	Thái	18/12/2004	D17TDHHTD1	11	11	11	3.14	89	Khá			3,993,000	
881	22810110337	Phạm Việt	Anh	03/12/2003	D17DCN&DD2	11	11	11	3.09	87	Khá			3,993,000	
882	22810180305	Nguyễn Thế	Tâm	10/08/2004	D17DCN&DD2	11	11	11	3.09	81	Khá			3,993,000	
883	22810170146	Nguyễn Ngọc	Hiếu	30/09/2004	D17TDHHTD2	11	11	11	3.09	87	Khá			3,993,000	
884	22810170192	Nguyễn Tùng	Lâm	26/01/2004	D17TDHHTD2	11	11	11	3.09	83	Khá			3,993,000	
885	22810170003	Đào Nhật	Quý	02/01/2004	D17TDHHTD1	11	11	11	3.09	81	Khá			3,993,000	
886	22810170436	Nguyễn Hải	Đặng	29/07/2004	D17TDHHTD3	11	11	11	3.09	81	Khá			3,993,000	
887	22810170330	Nguyễn Văn	Chiến	05/02/2004	D17TDHHTD3	11	11	11	3.09	78	Khá			3,993,000	
888	22810170421	Đỗ Đức	Duy	25/08/2003	D17TDHHTD3	11	11	11	3.05	91	Khá			3,993,000	
889	22810440028	Nguyễn Phan Nam	Khánh	02/02/2004	D17THDK&TD H1	12	12	12	3.63	94	Xuất sắc			5,227,200	
890	22810430191	Trần Văn	Khánh	02/03/2004	D17TDH&DKT BCN2	12	12	12	3.75	82	Giỏi			4,791,600	
891	22810430303	Lê Anh	Dũng	05/06/2004	D17TDH&DKT BCN3	12	12	12	3.75	84	Giỏi			4,791,600	
892	22810440032	Nguyễn Phan Duy	Tân	13/07/2004	D17THDK&TD H1	12	12	12	3.75	85	Giỏi			4,791,600	
893	22810440370	Nguyễn Quang	Trường	17/09/2004	D17THDK&TD H3	9	9	9	3.67	84	Giỏi			3,593,700	
894	22810430234	Phạm Quốc	Trí	10/12/2004	D17TDH&DKT BCN3	12	12	12	3.63	85	Giỏi			4,791,600	
895	22810430460	Dương Văn	Quân	07/10/2004	D17TDH&DKT BCN4	12	12	12	3.63	80	Giỏi			4,791,600	
896	22810440015	Vũ Sỹ	Dũng	12/07/2004	D17THDK&TD H1	12	12	12	3.63	85	Giỏi			4,791,600	

TT	Mã sinh viên	Họ và	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Tổng tín chỉ đăng ký trong kỳ	Số TC đăng ký mới	Số TC điều kiện	Điểm TB hệ 4	TC phụ số 5.1 - Điểm rèn luyện	Xếp loại HB	TC phụ số 5.2- Điểm thi tuyển (dành cho khối D17)	TC phụ số 5.3- Điểm TBCTL	Mức tiền được hưởng sinh viên (ĐVT: VNĐ)	Ghi chú
897	22810430107	Hoàng Minh	Trí	21/06/2004	D17TDH&DKT BCN1	12	12	12	3.5	87	Giỏi			4,791,600	
898	22810430232	Đỗ Văn	Hường	20/07/2004	D17TDH&DKT BCN2	12	12	12	3.5	83	Giỏi			4,791,600	
899	22810440010	Nguyễn Đức	Hiếu	18/08/2004	D17THDK&TD H1	12	12	12	3.5	97	Giỏi			4,791,600	
900	22810440115	Thạch Tuấn	Anh	25/11/2004	D17THDK&TD H1	12	12	12	3.5	85	Giỏi			4,791,600	
901	22810440426	Bùi Đức	Anh	20/11/2004	D17THDK&TD H3	9	9	9	3.5	82	Giỏi			3,593,700	
902	22810440434	Hoàng Quốc	Trường	25/05/2004	D17THDK&TD H3	9	9	9	3.5	85	Giỏi			3,593,700	
903	22810410316	Vũ Quang	Minh	21/03/2004	D17CNKTDK2	12	12	12	3.38	87	Giỏi			4,791,600	
904	22810430178	Trần Nguyễn Anh	Nam	07/07/2004	D17TDH&DKT BCN2	12	12	12	3.38	89	Giỏi			4,791,600	
905	22810430148	Nguyễn Thế	Hùng	21/03/2004	D17TDH&DKT BCN2	12	12	12	3.38	83	Giỏi			4,791,600	
906	22810430144	Lê Quang	Vinh	04/01/2004	D17TDH&DKT BCN2	12	12	12	3.38	83	Giỏi			4,791,600	
907	22810430296	Lý Nhật	Quang	12/06/2002	D17TDH&DKT BCN3	12	12	12	3.38	83	Giỏi			4,791,600	
908	22810430249	Bạch Như	Ý	17/12/2004	D17TDH&DKT BCN3	12	12	12	3.38	84	Giỏi			4,791,600	
909	22810440364	Nguyễn Xuân	Thủy	11/10/2004	D17THDK&TD H1	12	12	12	3.38	87	Giỏi			4,791,600	
910	22810440304	Hoàng Đức	Dũng	06/10/2004	D17THDK&TD H2	12	12	12	3.38	80	Giỏi			4,791,600	
911	22810440280	Vũ Văn	Nam	22/10/2003	D17THDK&TD H2	12	12	12	3.38	83	Giỏi			4,791,600	
912	22810440325	Lê Anh	Đức	27/08/2004	D17THDK&TD H2	12	12	12	3.38	82	Giỏi			4,791,600	
913	22810440418	Phạm Huy	Đức	20/10/2004	D17THDK&TD H3	9	9	9	3.33	85	Giỏi			3,593,700	
914	22810440376	Nguyễn Quang	Huy	31/07/2004	D17THDK&TD H3	9	9	9	3.33	84	Giỏi			3,593,700	
915	22810430253	Hoàng Văn	Phương	10/06/2004	D17TDH&DKT BCN3	12	12	12	3.25	87	Giỏi			4,791,600	
916	22810430187	Nguyễn Thanh	Tĩnh	19/06/2004	D17TDH&DKT BCN2	12	12	12	3.25	83	Giỏi			4,791,600	

TT	Mã sinh viên	Họ và	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Tổng tín chỉ đăng ký trong kỳ	Số TC đăng ký mới	Số TC điều kiện	Điểm TB hệ 4	TC phụ số 5.1 - Điểm rèn luyện	Xếp loại HB	TC phụ số 5.2- Điểm thi tuyển (dành cho khối D17)	TC phụ số 5.3- Điểm TBCTL	Mức tiền được hưởng sinh viên (ĐVT: VNĐ)	Ghi chú
917	22810430362	Nguyễn Thành	Long	22/01/2004	D17TDH&DKT BCN3	12	12	12	3.25	83	Giỏi			4,791,600	
918	22810430442	Nguyễn Đình	Quân	19/12/2004	D17TDH&DKT BCN4	12	12	12	3.25	83	Giỏi			4,791,600	
919	22810430275	Phạm Linh	Quang	02/02/2004	D17TDH&DKT BCN3	12	12	12	3.25	81	Giỏi			4,791,600	
920	22810430405	Phạm Văn	Phong	20/10/2003	D17TDH&DKT BCN4	12	12	12	3.25	81	Giỏi			4,791,600	
921	22810430369	Chu Thành	Nam	22/03/2004	D17TDH&DKT BCN3	12	12	12	3.25	80	Giỏi			4,791,600	
922	22810440078	Nguyễn Tiến	Việt	05/07/2004	D17THDK&TD H1	12	12	12	3.25	88	Giỏi			4,791,600	
923	22810440441	Nguyễn Hoàng	Đệ	09/03/2004	D17THDK&TD H3	9	9	9	3.17	85	Khá			3,267,000	
924	22810430103	Trần Công	Đức	01/01/2004	D17THDK&TD H3	9	9	9	3.17	84	Khá			3,267,000	
925	22810440451	Đỗ Trường	Giang	25/12/2004	D17THDK&TD H3	9	9	9	3.17	81	Khá			3,267,000	
926	22810410307	Mai Đăng	Quang	04/10/2004	D17THDK&TD H3	9	9	9	3.17	84	Khá			3,267,000	
927	22810440490	Phạm Văn	Quý	19/06/2004	D17THDK&TD H3	9	9	9	3.17	82	Khá			3,267,000	
928	22810440416	Dư Ông Huy	Thành	26/09/2004	D17THDK&TD H3	9	9	9	3.17	85	Khá			3,267,000	
929	22810440476	Đinh Tuấn	Tú	09/01/2004	D17THDK&TD H3	9	9	9	3.17	83	Khá			3,267,000	
930	22819140079	Trần Xuân	Tiến	05/12/2004	D17QLMTCN	11	11	11	3.32	88	Giỏi			4,392,300	
931	22810000120	Cao Thái	Sơn	22/08/2004	D17QLMTCN	11	11	11	2.59	96	Khá			3,993,000	
932	22819150058	Nguyễn Hữu	Bách	03/07/2004	D17NLTT2	9	9	9	3.17	79	Khá			3,267,000	
933	22819150010	Nguyễn Bá	Đức	29/07/2004	D17NLTT1	9	9	9	3.17	90	Khá			3,267,000	
934	22819150064	Đinh Huy	Hiếu	03/11/2004	D17NLTT2	9	9	9	3	95	Khá			3,267,000	
935	22819150034	Nguyễn Vũ	Hùng	05/04/2004	D17NLTT1	9	9	9	3	91	Khá			3,267,000	
936	22819150063	Lưu Chiến	Hải	11/11/2004	D17NLTT2	9	9	9	2.83	85	Khá			3,267,000	

TT	Mã sinh viên	Họ và	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Tổng tín chỉ đăng ký trong kỳ	Số TC đăng ký mới	Số TC điều kiện	Điểm TB hệ 4	TC phụ số 5.1 - Điểm rèn luyện	Xếp loại HB	TC phụ số 5.2- Điểm thi tuyển (dành cho khối D17)	TC phụ số 5.3- Điểm TBCTL	Mức tiền được hưởng sinh viên (ĐVT: VNĐ)	Ghi chú
														3,267,000	
937	22819150047	Tạ Văn	Đức	09/07/2004	D17NLTT2	9	9	9	2.83	81	Khá			6,534,000	
938	22810310377	Hoàng Thị	Thảo	15/07/2004	D17CNPM6	15	15	15	3.67	94	Xuất sắc			5,989,500	
939	22810310060	Nguyễn Đức	Thắng	22/02/2004	D17CNPM1	15	15	15	3.8	80	Giỏi			5,989,500	
940	22810310006	Lê Thị Thanh	Phương	24/09/2004	D17CNPM1	15	15	15	3.7	80	Giỏi			5,989,500	
941	22810310213	Đỗ Văn	Hưng	28/07/2004	D17CNPM3	15	15	15	3.7	81	Giỏi			5,989,500	
942	22810310335	Tạ Kiều	Vân	12/11/2004	D17CNPM5	15	15	15	3.7	87	Giỏi			5,989,500	
943	22810310305	Nguyễn Cát	Bộ	15/05/2004	D17CNPM5	15	15	15	3.7	87	Giỏi			5,989,500	
944	22810340201	Đỗ Mạnh	Cường	26/05/2004	D17CNPM5	15	15	15	3.63	87	Giỏi			5,989,500	
945	22810310320	Trương Đức	Mạnh	25/01/2004	D17CNPM5	15	15	15	3.6	87	Giỏi			5,989,500	
946	22810310322	Nguyễn Minh	Khuê	16/10/2004	D17CNPM5	15	15	15	3.6	87	Giỏi			5,989,500	
947	22810310329	Lê Dũng	Tiến	21/08/2004	D17CNPM5	15	15	15	3.6	89	Giỏi			5,989,500	
948	22810310318	Dương Hoàng	Sơn	03/03/2004	D17CNPM5	15	15	15	3.6	87	Giỏi			5,989,500	
949	22810310352	Phạm Sỹ	Chiến	02/07/2004	D17CNPM5	15	15	15	3.6	87	Giỏi			5,989,500	
950	22810310314	Nguyễn Thành	Đạt	13/01/2004	D17CNPM5	15	15	15	3.6	87	Giỏi			5,989,500	
951	22810310354	Nguyễn Thị	Trình	09/11/2004	D17CNPM5	15	15	15	3.6	87	Giỏi			5,989,500	
952	22810310210	Nguyễn Thị Thanh	Thủy	24/05/2004	D17CNPM3	15	15	15	3.57	87	Giỏi			5,989,500	
953	22810310267	Điền Thúy	Liên	20/09/2004	D17CNPM4	15	15	15	3.57	86	Giỏi			5,989,500	
954	22810310138	Nguyễn Xuân	Giang	22/01/2004	D17CNPM2	15	15	15	3.53	87	Giỏi			5,989,500	
955	22810310062	Nguyễn Quang	Huy	27/04/2004	D17CNPM1	15	15	15	3.5	82	Giỏi			5,989,500	
956	22810310297	Nguyễn Sơn	Tùng	29/06/2004	D17CNPM5	15	15	15	3.5	87	Giỏi			5,989,500	

TT	Mã sinh viên	Họ và	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Tổng tín chỉ đăng ký trong kỳ	Số TC đăng ký mới	Số TC điều kiện	Điểm TB hệ 4	TC phụ số 5.1 - Điểm rèn luyện	Xếp loại HB	TC phụ số 5.2- Điểm thi tuyển (dành cho khối D17)	TC phụ số 5.3- Điểm TBCTL	Mức tiền được hưởng sinh viên (ĐVT: VNĐ)	Ghi chú
957	22810310425	Nguyễn Quốc	Việt	26/12/2004	D17CNPM6	15	15	15	3.5	82	Giỏi			5,989,500	
958	22810310029	Phạm Thị Thủy	Linh	19/12/2004	D17CNPM1	15	15	15	3.47	80	Giỏi			5,989,500	
959	22810310431	Khúc Xuân	Triển	28/07/2004	D17CNPM6	15	15	15	3.47	80	Giỏi			5,989,500	
960	22810340255	Trần Thị	Vy	17/11/2004	D17HTTMDT	15	15	15	3.47	87	Giỏi			5,989,500	
961	22810310019	Lò Văn	Anh	28/01/2004	D17CNPM1	15	15	15	3.43	84	Giỏi			5,989,500	
962	22810310145	Vũ Thị Thảo	Chi	10/02/2004	D17CNPM2	15	15	15	3.43	86	Giỏi			5,989,500	
963	22810340068	Trịnh Thị Thủy	Nga	23/10/2004	D17HTTMDT	15	15	15	3.43	86	Giỏi			5,989,500	
964	22810340364	Lại Thị Phương	Linh	09/01/2004	D17HTTMDT	15	15	15	3.43	80	Giỏi			5,989,500	
965	22810340309	Nguyễn Huy	Hoàng	21/06/2004	D17HTTMDT	15	15	15	3.4	87	Giỏi			5,989,500	
966	22810310371	Nguyễn Tùng	Lâm	01/09/2004	D17CNPM5	15	15	15	3.4	87	Giỏi			5,989,500	
967	22810310333	Nguyễn Trọng	Quang	14/10/2004	D17CNPM5	15	15	15	3.4	84	Giỏi			5,989,500	
968	22810340016	Lê Thị	Quỳnh	12/12/2004	D17CNPM6	15	15	15	3.4	83	Giỏi			5,989,500	
969	22810310423	Nguyễn Thị	Lý	01/02/2004	D17CNPM6	15	15	15	3.4	83	Giỏi			3,993,000	
970	22810810074	Vũ Khánh	Đoan	04/07/2004	D17KTDN2	10	10	10	3.7	81	Giỏi			3,993,000	
971	22810810146	Nguyễn Thị Kim	Thoa	01/12/2004	D17KTDN3	10	10	10	3.7	86	Giỏi			3,993,000	
972	22810830121	Nguyễn Đoàn Mình	Thư	20/10/2004	D17KT&KS	10	10	10	3.6	83	Giỏi			3,993,000	
973	22810810051	Nguyễn Thị Thu	Diệu	24/11/2004	D17KTDN1	10	10	10	3.6	83	Giỏi			3,993,000	
974	22810830013	Nguyễn Thị	Hào	12/12/2004	D17KT&KS	10	10	10	3.55	87	Giỏi			3,993,000	
975	22810810048	Trần Thành	Trung	19/03/2003	D17KTDN1	10	10	10	3.55	85	Giỏi			3,993,000	
976	22810810175	Ngô Thị	Oanh	17/02/2004	D17KT&KS	10	10	10	3.4	86	Giỏi			3,993,000	

TT	Mã sinh viên	Họ và	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Tổng tín chỉ đăng ký trong kỳ	Số TC đăng ký mới	Số TC điều khiển	Điểm TB hệ 4	TC phụ số 5.1 - Điểm rèn luyện	Xếp loại HB	TC phụ số 5.2- Điểm thi tuyển (dành cho khối D17)	TC phụ số 5.3- Điểm TBCTL	Mức tiền được hưởng sinh viên (ĐVT: VNĐ)	Ghi chú
														3,993,000	
977	22810810010	Nguyễn Hoàng Khánh	Ly	21/11/2003	D17KTDN1	10	10	10	3.4	92	Giỏi			3,993,000	
978	22810810034	Nguyễn Thị Thúy	Ngân	11/03/2004	D17KTDN1	10	10	10	3.4	86	Giỏi			3,993,000	
979	22810810096	Trần Hồng	Thi	20/09/2004	D17KTDN2	10	10	10	3.4	87	Giỏi			3,993,000	
980	22810810182	Thịnh Thị	Oanh	25/02/2004	D17KTDN3	10	10	10	3.4	87	Giỏi			3,993,000	
981	22810810070	Trương Thị	Miền	05/11/2004	D17KTDN1	10	10	10	3.35	82	Giỏi			3,993,000	
982	22810810180	Vương Quế	Hương	13/09/2004	D17KTDN3	10	10	10	3.35	86	Giỏi			3,993,000	
983	22810810183	Nguyễn Đăng Thị Kim	Ngân	15/01/2004	D17KTDN3	10	10	10	3.35	86	Giỏi			3,993,000	
984	22810810144	Vũ Ngọc	Anh	07/05/2004	D17KTDN3	10	10	10	3.35	85	Giỏi			3,993,000	
985	22810850014	Nguyễn Hiền	Lương	01/01/2003	D17KIEMTOA N1	10	10	10	3.85	96	Xuất sắc			4,356,000	
986	22810850066	Nguyễn Đình	Nam	12/08/2004	D17KIEMTOA N2	10	10	10	3.7	92	Xuất sắc			4,356,000	
987	22810850046	Đại Thị Thùy	Linh	05/08/2004	D17KIEMTOA N2	10	10	10	3.6	84	Giỏi			3,993,000	
988	22810850007	Nguyễn Thị Kiều	Linh	17/04/2004	D17KIEMTOA N1	10	10	10	3.45	86	Giỏi			3,993,000	
989	22810850010	Dương Thị Kim	Ngân	19/11/2004	D17KIEMTOA N2	10	10	10	3.25	86	Giỏi			3,993,000	
990	22810850026	Trần Thu	Huyền	27/06/2004	D17KIEMTOA N2	10	10	10	3.25	85	Giỏi			3,993,000	
991	22810850040	Đỗ Sinh	Phúc	17/12/2004	D17KIEMTOA N1	10	10	10	3.25	82	Giỏi			3,993,000	
992	22819130058	Đặng Hoàng	Long	22/09/2004	D17NHIETCN	11	11	11	3.36	85	Giỏi			4,392,300	
993	22819120042	Hồ Văn	Toàn	28/10/2004	D17DIENLANH 1	11	11	11	3.36	84	Giỏi			4,392,300	
994	22819120004	Đoàn Việt	Cương	12/01/2004	D17DIENLANH 1	11	11	11	3.18	85	Khá			3,993,000	
995	22819110074	Nguyễn Duy	Huỳnh	01/04/2004	D17NHIETDIE N	11	11	11	3.18	84	Khá			3,993,000	
996	22819120053	Nguyễn Anh	Quân	06/04/2004	D17DIENLANH 1	11	11	11	2.91	83	Khá			3,993,000	

TT	Mã sinh viên	Họ và	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Tổng tín chỉ đăng ký trong kỳ	Số TC đăng ký mới	Số TC điều kiện	Điểm TB hệ 4	TC phụ số 5.1 - Điểm rèn luyện	Xếp loại HB	TC phụ số 5.2- Điểm thi tuyển (dành cho khối D17)	TC phụ số 5.3- Điểm TBCTL	Mức tiền được hưởng sinh viên (ĐVT: VNĐ)	Ghi chú
997	22819120013	Trần Quốc	Đạt	13/03/2003	D17DIENLANH 1	11	11	11	2.91	85	Khá			3,993,000	
998	22819120080	Nguyễn Đình Việt	Anh	03/06/2004	D17DIENLANH 1	11	11	11	2.86	84	Khá			3,993,000	
999	22819120011	Nguyễn Minh	Hiếu	12/04/2004	D17DIENLANH 1	11	11	11	2.82	85	Khá			3,993,000	
1000	22819120057	Triệu Văn	Chinh	30/09/2004	D17DIENLANH 1	11	11	11	2.82	84	Khá			3,993,000	
1001	22819120014	Hoàng Quý	Anh	06/09/2003	D17DIENLANH 1	11	11	11	2.73	78	Khá			3,993,000	
1002	22819120109	Mai Xuân	Điệp	02/06/2004	D17DIENLANH 2	11	11	11	2.68	78	Khá			3,993,000	
1003	22819120083	Nguyễn Tuấn	Nam	13/08/2004	D17DIENLANH 1	11	11	11	2.64	78	Khá			3,993,000	
1004	22819110001	Nguyễn Văn	Hải	21/07/2004	D17NHIETDIE N	11	11	11	2.64	86	Khá			3,993,000	
1005	22819110025	Đỗ Trung	Kiên	15/02/2004	D17NHIETDIE N	11	11	11	2.64	86	Khá			4,392,300	
1006	22810230049	Bùi Lê Thanh	Huyền	24/11/2004	D17LOGISTICS 1	11	11	11	3.73	86	Giỏi			4,392,300	
1007	22810230165	Đỗ Thị	Thương	22/01/2004	D17LOGISTICS 2	11	11	11	3.73	84	Giỏi			4,392,300	
1008	22810230135	Nguyễn Phương	Loan	17/01/2004	D17LOGISTICS 2	11	11	11	3.73	84	Giỏi			4,392,300	
1009	22810230112	Nghiêm Thị	Hằng	03/09/2004	D17LOGISTICS 2	11	11	11	3.73	85	Giỏi			4,392,300	
1010	22810230097	Lê Tuấn	Nghĩa	26/05/2004	D17LOGISTICS 1	11	11	11	3.73	85	Giỏi			4,392,300	
1011	22810230203	An Ngọc	Thảo	16/07/2004	D17LOGISTICS 2	11	11	11	3.73	84	Giỏi			4,392,300	
1012	22810230120	Doãn Kim	Học	28/01/2004	D17LOGISTICS 2	11	11	11	3.73	84	Giỏi			4,392,300	
1013	22810230025	Đỗ Thị Tuyết	Dung	27/05/2004	D17LOGISTICS 1	11	11	11	3.64	86	Giỏi			4,392,300	
1014	22810230210	Bùi Thị Như	Yến	19/06/2004	D17LOGISTICS 1	11	11	11	3.59	85	Giỏi	24.95		4,392,300	
1015	22810230163	Nguyễn Anh	Tài	23/10/2004	D17QLCN2	11	11	11	3.32	88	Giỏi			4,392,300	
1016	22810230001	Bùi Thu	Thủy	03/03/2004	D17QLCN1	11	11	11	3.09	88	Khá			3,993,000	

TT	Mã sinh viên	Họ và	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Tổng tín chỉ đăng ký trong kỳ	Số TC đăng ký mới	Số TC điều kiện	Điểm TB hệ 4	TC phụ số 5.1 - Điểm rèn luyện	Xếp loại HB	TC phụ số 5.2- Điểm thi tuyển (dành cho khối D17)	TC phụ số 5.3- Điểm TBCTL	Mức tiền được hưởng sinh viên (ĐVT: VNĐ)	Ghi chú
1017	22810230162	Nguyễn Thị	Hiền	29/09/2004	D17QLCN2	11	11	11	3.09	87	Khá			3,993,000	
1018	22810230063	Nguyễn Thị Thanh	Nhàn	15/10/2004	D17QLCN2	11	11	11	3.05	87	Khá			3,993,000	
1019	22810230051	Chu Quang	Huy	13/09/2004	D17QLCN2	11	11	11	3.05	87	Khá			3,993,000	
1020	22810230024	Nguyễn Trọng	Nghĩa	01/01/2004	D17QLCN1	11	11	11	2.95	85	Khá			3,993,000	
1021	22810230015	Nguyễn Viết	Triệu	02/10/2004	D17QLCN1	11	11	11	2.91	90	Khá			3,993,000	
1022	22810230144	Nguyễn Quang	Huy	21/01/2004	D17QLCN2	11	11	11	2.91	87	Khá			3,993,000	
1023	22810250133	Nguyễn Đông	Phong	01/10/2004	D17QLCN2	11	11	11	2.86	76	Khá			3,993,000	
1024	22810260130	Nguyễn Bá	DưỖNg	05/12/2004	D17QLNL1	11	11	11	3.23	85	Giỏi			4,392,300	
1025	22810260115	Trần Trọng	Ngọc	11/06/2004	D17QLNL2	11	11	11	3.05	86	Khá			3,993,000	
1026	22810260146	Trịnh Quốc	Đạt	04/09/2004	D17QLNL1	11	11	11	3	85	Khá			3,993,000	
1027	22810270030	Trần Minh	Đức	12/09/2004	D17QLNL1	11	11	11	2.91	83	Khá			3,993,000	
1028	22810000122	Nguyễn Văn	Chiến	06/12/2004	D17QLNL1	11	11	11	2.86	84	Khá			3,993,000	
1029	22810260200	Khuất Vũ Anh	Thư	21/10/2004	D17QLNL2	11	11	11	2.82	86	Khá			3,993,000	
1030	22810260147	Bùi Thu	Huyền	30/10/2004	D17QLNL2	11	11	11	2.77	93	Khá			3,993,000	
1031	22810260189	Phan Nhật	Hiếu	30/04/2004	D17QLNL2	11	11	11	2.73	89	Khá			3,993,000	
1032	22810000016	Nguyễn Thị Hải	Yến	04/07/2002	D17QTDVDL& LH1	10	10	10	3.7	85	Giỏi			3,993,000	
1033	22810000064	Đặng Kiều Trâm	Anh	29/04/2004	D17QTDVDL& LH2	10	10	10	3.6	85	Giỏi			3,993,000	
1034	22810000010	Phùng Hải	Đặng	09/03/2004	D17QTDVDL& LH1	10	10	10	3.55	86	Giỏi			3,993,000	
1035	22810000068	Phạm Hương	Giang	04/11/2004	D17QTDVDL& LH2	10	10	10	3.4	83	Giỏi			3,993,000	
1036	22810000060	Phạm Thị Quỳnh	Hoa	08/05/2004	D17QTDVDL& LH2	10	10	10	3.3	87	Giỏi			3,993,000	

TT	Mã sinh viên	Họ và	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Tổng tín chỉ đăng ký trong kỳ	Số TC đăng ký mới	Số TC điều kiện	Điểm TB hệ 4	TC phụ số 5.1 - Điểm rèn luyện	Xếp loại HB	TC phụ số 5.2- Điểm thi tuyển (dành cho khối D17)	TC phụ số 5.3- Điểm TBCTL	Mức tiền được hưởng sinh viên (ĐVT: VNĐ)	Ghi chú
														3,993,000	
1037	22810000083	Phương	Thảo	13/05/2004	D17QTDVDL& LH2	10	10	10	3.25	81	Giỏi			3,993,000	
1038	22810000040	Nguyễn Thị	Oanh	12/01/2004	D17QTDVDL& LH1	10	10	10	3.2	90	Giỏi	24.33		3,993,000	
1039	22810710127	Mai Khánh	Hòa	18/10/2004	D17QTDN2	10	10	10	3.7	84	Giỏi			3,993,000	
1040	22810710092	Trần Phương	Anh	20/10/2004	D17QTDN2	10	10	10	3.7	87	Giỏi			3,993,000	
1041	22810710073	Phạm Thị Thùy	Trang	18/05/2004	D17QTDN2	10	10	10	3.7	80	Giỏi			3,993,000	
1042	22810710191	Đặng Thùy	Linh	25/04/2004	D17QTDN3	10	10	10	3.7	85	Giỏi			3,993,000	
1043	22810720114	Phạm Thị Ngọc	Ly	21/05/2004	D17QTDLKS	10	10	10	3.6	86	Giỏi			3,993,000	
1044	22810710065	Bùi Đình	Kiên	24/09/2004	D17QTDN1	10	10	10	3.55	84	Giỏi			3,993,000	
1045	22810710085	Nguyễn Thị Hải	Yến	16/09/2004	D17QTDN2	10	10	10	3.55	84	Giỏi			3,993,000	
1046	22810710047	Nguyễn Thị Bạch	Dương	14/07/2004	D17QTDN1	10	10	10	3.5	80	Giỏi			3,993,000	
1047	22810710133	Trần Thị	Thủy	30/07/2004	D17QTDN2	10	10	10	3.5	84	Giỏi			3,993,000	
1048	22810720005	Trần Trung	Dũng	10/10/2004	D17QTDN3	10	10	10	3.45	85	Giỏi			3,993,000	
1049	22810710157	Phạm Thị Ngọc	Hà	19/10/2004	D17QTDN3	10	10	10	3.45	83	Giỏi			3,993,000	
1050	22810710095	Nguyễn Thị	Thảo	12/12/2004	D17QTDN2	10	10	10	3.4	85	Giỏi			3,993,000	
1051	22810720061	Vương Mạnh	Khuê	05/03/2004	D17QTDLKS	10	10	10	3.3	89	Giỏi			3,993,000	
1052	22810710038	Đoàn Đình	Đông	14/05/2004	D17QTDN1	10	10	10	3.3	89	Giỏi			3,993,000	
1053	22810710001	Nguyễn Thảo	Ngân	10/08/2004	D17QTDN1	10	10	10	3.3	88	Giỏi			3,993,000	
1054	22810820042	Lê Hồng	Nhung	03/12/2004	D17TCN1	10	10	10	3.7	84	Giỏi			3,993,000	
1055	22810820049	Đặng Thị	Nụ	05/05/2004	D17TCN1	10	10	10	3.7	80	Giỏi			3,993,000	
1056	22810820118	Nguyễn Thị Thanh	Chúc	26/01/2004	D17TCN2	10	10	10	3.7	84	Giỏi			3,993,000	

TT	Mã sinh viên	Họ và	Tên	Ngày sinh	Tên lớp	Tổng tín chỉ đăng ký trong kỳ	Số TC đăng ký mới	Số TC điều kiện	Điểm TB hệ 4	TC phụ số 5.1 - Điểm rèn luyện	Xếp loại HB	TC phụ số 5.2- Điểm thi tuyển (dành cho khối D17)	TC phụ số 5.3- Điểm TBCTL	Mức tiền được hưởng sinh viên (ĐVT: VNĐ)	Ghi chú
1057	22810820020	Nguyễn Thị Thu	Giang	15/02/2004	D17TCDN2	10	10	10	3.7	81	Giỏi			3,993,000	
1058	22810820030	Dương Thị Lan	Anh	13/11/2004	D17TCDN2	10	10	10	3.7	85	Giỏi			3,993,000	
1059	22810820039	Hà Thị	Hậu	25/07/2004	D17TCDN1	10	10	10	3.4	88	Giỏi			3,993,000	
1060	22810820008	Phạm Thị Hương	Bưởi	24/03/2004	D17TCDN1	10	10	10	3.25	87	Giỏi			3,993,000	
1061	22810820040	Trần Thanh	Nga	21/01/2004	D17TCDN1	10	10	10	3.25	85	Giỏi			3,993,000	
1062	22810820069	Nguyễn Thanh	Tùng	26/10/2004	D17TCDN1	10	10	10	3.2	86	Giỏi			3,993,000	
1063	22810820093	Ngô Thanh	Hương	03/11/2004	D17TCDN2	10	10	10	3.7	78	Khá			3,630,000	
1064	22810860088	Đào Kim	Oanh	04/02/2004	D17KDTMTT2	10	10	10	3.7	86	Giỏi			3,993,000	
1065	22810860029	Nguyễn Duy	Phú	13/01/2004	D17KDTMTT1	10	10	10	3.6	85	Giỏi			3,993,000	
1066	22810860060	Nguyễn Thị Kim	Ngân	29/09/2004	D17KDTMTT1	10	10	10	3.55	86	Giỏi			3,993,000	
1067	22810860034	Nguyễn Thị Hồng	Thúy	20/07/2004	D17KDTMTT1	10	10	10	3.4	88	Giỏi			3,993,000	
1068	22810860025	Trần Thị Thùy	Linh	05/10/2004	D17KDTMTT1	10	10	10	3.4	87	Giỏi			3,993,000	
1069	22810860038	Nguyễn Đức	Thắng	26/06/2004	D17KDTMTT1	10	10	10	3.4	87	Giỏi			3,993,000	
1070	22810860041	Vũ Thị	Hường	08/07/2003	D17KDTMTT1	10	10	10	3.4	86	Giỏi			3,993,000	
Tổng														8,636,792,300	

Người lập biểu

Trịnh Thị Hoàng

Phòng CTSV

Nguyễn Tiến Thành